

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN PHÚ TUẤN (Tổng Chủ biên)  
TRẦN VIỆT LƯU (Chủ biên)  
LÊ THỊ BÍCH HỒNG – NGUYỄN QUỐC TUẤN

## Tài liệu giáo dục địa phương

# TỈNH THANH HOÁ



## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mỗi chủ đề gồm 4 hoạt động chính:



### Khởi động

Đề cập đến những nội dung học sinh sẽ tìm hiểu trong chủ đề, kết nối những điều học sinh đã biết, tạo hứng thú cho các em trước khi vào bài học mới.



### Khám phá

Cung cấp cho học sinh kiến thức mới, giúp các em có thêm hiểu biết về quê hương mình.



### Luyện tập

Gồm các câu hỏi, bài tập thực hành để củng cố những kiến thức vừa học và rèn luyện các kĩ năng.



### Vận dụng

Sử dụng những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

# Lời nói đầu

## Các em học sinh thân mến!

Trên tay các em là cuốn *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Thanh Hoá lớp 8* dành riêng cho học sinh Thanh Hoá, mang đậm dấu ấn vùng đất “địa linh nhân kiệt”, nơi phát tích của nhiều đời vua, chúa Việt Nam; nơi có vị trí chiến lược quan trọng trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc, là cầu nối, chuyển tiếp, giao thoa giữa hai vùng văn hoá Bắc bộ và Trung bộ; nơi vừa giao lưu, vừa thu nhận, tạo nên bản sắc riêng cho văn hoá và con người xứ Thanh.

Cuốn tài liệu này gồm 8 chủ đề, với nội dung xoay quanh những nét đặc trưng về văn hoá, lịch sử, địa lí, xã hội, kinh tế, môi trường,... của Thanh Hoá. Ở mỗi chủ đề, từ mục tiêu bài học, các em sẽ được tìm hiểu, khám phá những nội dung bổ ích, lí thú về văn hoá, lịch sử, con người xứ Thanh,... Qua tiếp nhận nguồn tri thức đó, phần luyện tập và vận dụng sẽ giúp các em có thêm trải nghiệm quý giá, biết vận dụng một cách sáng tạo để hoàn thành những sản phẩm, bài tập mới. Ngoài ra, các em sẽ có thêm kĩ năng tự tìm hiểu, tự khám phá để làm phong phú vốn tri thức cho bản thân. Từ đó, các em càng thêm trân trọng, tự hào về quê hương, đất nước của mình.

Cuốn sách này sẽ là người bạn đồng hành cùng các em trong suốt năm học. Chúc các em học tốt và có những trải nghiệm thú vị!

**Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hoá**

## Mục lục

|                                                                                   |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----|
| Chủ đề 1: <b>BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN HỒ SÔNG MÃ</b>                    | 5  |
| Chủ đề 2: <b>MẮM TÉP HÀ YÊN, NEM CHUA THANH HOÁ</b>                               | 13 |
| Chủ đề 3: <b>ĐỀN MẪU SÔNG SƠN</b>                                                 | 22 |
| Chủ đề 4: <b>TÀI NGUYÊN ĐẤT, NƯỚC VÀ GIÁ TRỊ KINH TẾ</b>                          | 29 |
| Chủ đề 5: <b>NGHỀ DỆT THỔ CẨM Ở THANH HOÁ</b>                                     | 39 |
| Chủ đề 6: <b>THANH HOÁ TRONG THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP<br/>(1885 - 1945)</b> | 49 |
| Chủ đề 7: <b>CƠ CẤU DÂN SỐ THANH HOÁ</b>                                          | 57 |
| Chủ đề 8: <b>BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ Ở TỈNH THANH HOÁ</b>                     | 66 |

## Chủ đề

1

# BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN HỒ SÔNG MÃ

## MỤC TIÊU

- Trình bày được những đặc điểm nổi bật của hồ sông Mã.
- Trình bày được ý nghĩa, giá trị của hồ sông Mã trong đời sống văn hoá tỉnh Thanh Hoá.
- Tự hào, có ý thức bảo vệ và phát huy giá trị của hồ sông Mã trong đời sống của người dân xứ Thanh.



Bài hát *Thanh Hoá anh hùng* (sáng tác: Hoàng Đạm) có đoạn:

*Dô tá dô tà, dô tá dô tà,*

*Ế dô khoan ta dô ta, ê huầy ta, ê huầy ta.*

*Ai về Thanh Hoá (dô tá dô tà)*

*Thanh Hoá anh hùng (khoan hồi hò khoan, ê dô khoan ta hò khoan)*

*Miền quê (chứ) Lê Lợi (ê dô khoan ta dô khoan)*

*(Chứ) đã lòng (là) sử xanh*

*Dô tá dô tà, ê dô khoan ta dô ta, ê huầy ta, ê huầy ta...*

Chia sẻ một số hiểu biết của em về câu hò sông Mã với thầy cô và bạn bè.



## 1 Đặc điểm của hồ sông Mã – bản hùng ca trên sông nước xứ Thanh

### a) Khát quát về hồ sông Mã

Thanh Hoá có nhiều thể loại hò, phổ biến nhất là hò sông nước, trong đó có hò sông Mã.



Hình 1.1. Ngã Ba Bông, sông Mã (tỉnh Thanh Hoá)

Là sản phẩm tinh thần của những người làm nghề chài lưới, vận chuyển hàng hoá bằng đường sông, hò sông Mã thể hiện nhiều cung bậc tình cảm, gắn bó với cuộc sống mưu sinh trên sông nước. Các trai đò dọc thường hò giao duyên với các nữ khách hàng đò. Tiếng hò cất lên để giải bày tâm sự, nỗi lòng của người gắn bó với sông nước. Tiếng hò mạnh mẽ của các đội đua thuyền trong dịp lễ hội. Tiếng hò nặng nhọc khi thuyền ngược nước. Tiếng hò dứt khoát khi đò vượt thác. Tiếng hò háo hức khi đò cập bến. Có lúc tiếng hò lại khoan thai khi đò xuôi dòng,...

Người đặt danh xưng “hò sông Mã” đầu tiên cho loại hình nghệ thuật đặc sắc này là nhạc sĩ Lê Quang Nghệ và nhạc sĩ Mai Hoàng Lan.

Ngoài phạm vi sông Mã, hò sông Mã bao gồm phạm vi rộng của tất cả các tuyến vận tải đường thủy của tỉnh Thanh Hoá. Xưa kia bến trung tâm của đò dọc là bến Giàng vì tỉnh lỵ đặt ở làng Dương Xá. Đến năm Gia Long thứ 3 (1804) tỉnh lỵ chuyển về Thọ Hạc và từ đó Nam Ngạn - Bến Ngự mới trở thành bến trung tâm của đò dọc sông Mã.

### ***b) Các làn điệu hò sông Mã***

Hò sông Mã được chia ra nhiều làn điệu, nhưng phổ biến hơn cả vẫn là 5 làn điệu riêng ứng với 5 cung đoạn chèo chống con thuyền, đó là: hò rời bến, hò đò ngược, hò xuôi, hò mắc cạn và hò cập bến.

### **Hò ròi bến** (còn gọi là hò mời khách)

Tính chất: là lời chào của nhà đò, nhấn nhủ, dặn dò, thông báo những điều cần thiết khi lên đò... mang lại không khí vui tươi, phấn khởi để chuyển đò khởi hành may mắn.

Làn điệu: Có lời xướng và lời xô. Lời xướng câu lục bát được ngắt 7 nhịp (2 từ một lần) và đệm thêm (tuỳ thích), như: *í a dô ta*. Lời xô chỉ có hai từ *dô ta*.

*Ví dụ:*

Cầu lim ván tấu song sào

Rửa chân cho sạch bước vào trong khoang.

| Xướng            | Xô              |
|------------------|-----------------|
| <i>Í a dô ta</i> | <i>Dô tà</i>    |
| <i>Cầu lim</i>   | <i>Dô tà</i>    |
| <i>Í a dô ta</i> | <i>Dô tà</i>    |
| <i>Ván tấu</i>   | <i>Dô tà...</i> |

Cứ thế, hò hết câu lại bắt sang câu khác.

### **Hò đò ngược** (còn gọi là hò chống sào, hò sảng ngược)

Tính chất: Điệu hò con đò ngược nước, không thể chèo được, trai đò chia làm hai nhóm cầm sào thay nhau chống sào đẩy đò.

Làn điệu: Lời hò là hiệu lệnh để hai nhóm chống, đẩy sào cho nhịp nhàng.

*Ví dụ:*

Thuyền buồm gió đánh tả tôi

Một con chèo quế xa chơi sông hồ.

| Xướng                                        | Xô                                                                                                                                                 |
|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nói theo giọng (kéo dài) của cả câu lục bát. | Tất cả xô: <i>Ế... ế... ế... dô ố ô...</i><br>Nhóm trước nhắc câu lục bát và thêm vào <i>Ê... ế... ê...</i><br>Nhóm sau: <i>Ê...ế...ê...có đây</i> |

|                                                                                                                                                  |                                                                                                                                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>Thuyền buồm gió đánh... ơ... tả... ơ... toi...</i><br><i>Một con chèo quế... ơ... xa chơi... ơ... sông hồ...</i><br><i>Ế ế ế... dô ố ố...</i> | Nhóm trước nhắc câu lục bát và thêm vào Ê... ế... ê...<br>Nhóm sau: Ê... ế... ê... có đây<br>Tất cả xô: Ê... ế... ế... dô ố ô... |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Hò ngược còn hai điệu hò nữa là hò kéo thuyền và hò vượt thác.

Giọng hò ngược nghe chậm chạp, có phần nặng nề. Trong hành trình, đây là chặng cực nhọc, con thuyền phải bơi ngược dòng nước, trời trở gió, lúc này trai đồ vừa chống sào vừa hò làn điệu nhưng vẫn đượm màu sắc trữ tình và đầy vẻ dí dỏm, và lạc quan.

**Hò dò xuôi** (còn gọi là hò đường trường)

Tính chất: Điệu hò khi con dò qua dòng nước lặng hay nước xuôi, chèo lái dễ dàng, trai dò cũng như khách dò yên tâm, thư thái.

Làn điệu: Hò dò xuôi có số lượng điệu hò phong phú nhất trong hệ thống làn điệu hò sông Mã, với 7 điệu hò: hò nhịp đôi 1, hò nhịp đôi 2, hò giọng dĩa (hay giống dĩa), hò làn ai, hò niệm Phật, hò ru ngủ, hò làn vắn. Lời ca trong hò dò xuôi có thể vận được lấy từ ca dao, hò vè, các truyện nôm.

Ví dụ: Hò nhịp đôi 1:

| <b>Xướng</b>                                                                        | <b>Xô</b>                            |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| <i>Bấy lâu vắng mặt cô mình</i><br><i>Như gương nhớ lược như độc bình không hoa</i> | <i>Ê dố khoan, dố khoan, dô huầy</i> |
| <i>Ê dố khoan, dố khoan, dô huầy</i>                                                | <i>Ê dố khoan, dố khoan, dô huầy</i> |
| <i>Bấy lâu (là lâu) vắng mặt</i>                                                    |                                      |
| <i>(là) vắng mặt (chứ) cô mình</i>                                                  | <i>Ê dố khoan, dố khoan, dô huầy</i> |
| <i>Như gương (mà) nhớ lược</i>                                                      | <i>Ê dố khoan, dố khoan, dô huầy</i> |
| <i>như độc bình (mà) không hoa</i>                                                  | <i>Ê dố khoan, dố khoan, dô huầy</i> |

**Hò mắc cạn** (còn gọi là hò vác cạn)

Tính chất: Gặp dải cát nông chắn ngang luồng nước, thuyền bị mắc cạn.

Làn điệu: Hò mắc cạn có hai làn điệu là hò kéo và hò vác. Hò kéo được cất lên khi đò sa vào bãi cát ngầm hoặc nước sông dâng cao, phải dùng dây kéo đò nhích dần ra.

Ví dụ: Thuyền anh đà cạn lên đây

Muọt đôi dải yếm làm dây kéo thuyền.

| Xướng                                          | Xô                   |
|------------------------------------------------|----------------------|
| <i>Ơ... vác này! Thuyền anh, thuyền anh...</i> | <i>Ơ... vác này!</i> |
| <i>đà cạn lên đây</i>                          | <i>Ơ... vác này!</i> |
| <i>Muọt đôi dải yếm</i>                        | <i>Ơ... vác này!</i> |
| <i>làm dây kéo thuyền</i>                      | <i>Ơ... vác này!</i> |

### Hò cập bến

Tính chất: Đây là chặng cuối cùng, sau nhiều ngày lênh đênh trên sông nước, trải qua mắc cạn, vượt gió, vượt thác. Mỗi lần đến bến, trai đò thường hò mấy câu để thông báo với hành khách rằng đò đã cập bến.

Làn điệu: Có phần gấp gáp hơn so với rời bến. Lời xô cuối câu lục bát sôi nổi như tiếng reo mừng: *Dô ta... dô tà... oa oa oa dô ta dô tà...*

Ví dụ: Thuyền đà đến bến ai ơi

Sao mình chẳng dậy mà coi lấy hàng?

| Xướng                    | Xô                                                          |
|--------------------------|-------------------------------------------------------------|
| <i>Dô ta dô tà dô ta</i> | <i>Dô tà</i>                                                |
| <i>Thuyền đà</i>         | <i>Dô tà</i>                                                |
| <i>đến bến</i>           | <i>Dô tà</i>                                                |
| <i>ai ơi</i>             | <i>Dô tà</i>                                                |
| <i>Sao mình</i>          | <i>Dô tà</i>                                                |
| <i>chẳng dậy</i>         | <i>Dô tà</i>                                                |
| <i>mà coi</i>            | <i>Dô tà</i>                                                |
| <i>lấy hàng</i>          | <i>Dô tà</i><br><i>Dô ta...dô tà...oa oa oa dô ta dô tà</i> |

### c) Ý nghĩa của hò sông Mã

Hò sông Mã là sản phẩm tinh thần, là nét văn hoá đặc sắc, gắn liền với cuộc sống lao động, sản xuất của người dân vùng sông nước xứ Thanh. Đây là một loại hình diễn xướng dân gian đặc sắc với 5 làn điệu riêng ứng với 5 cung đoạn chèo chống con thuyền.

Ngoài lao động sản xuất, hò sông Mã còn gắn liền với cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, bảo vệ đất nước. Hò sông Mã theo các đoàn dân công đi tiếp lương, tải đạn và xuất hiện trong hành trình kéo pháo tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Là một loại hình diễn xướng dân gian đặc sắc, hò sông Mã vừa có giá trị lịch sử, vừa có giá trị nhân văn độc đáo, luôn được người dân Thanh Hoá tự hào, xem là “thương hiệu nhận diện”, phản ánh sắc thái văn hoá truyền thống của địa phương.



– Vì sao Thanh Hoá phát triển nhiều điệu hò trên sông nước, trong đó có hò sông Mã.

– Nêu một số nét đặc sắc của hò sông Mã.

2

### Phát huy giá trị hò sông Mã trong đời sống

Trước sự mai một của hò sông Mã, tỉnh Thanh Hoá đã tiến hành nghiên cứu, sưu tầm và lưu giữ di sản văn hoá độc đáo, đặc sắc này.

Viện Âm nhạc (Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam) thực hiện dự án “Khôi phục, bảo tồn và phát triển văn hoá nghệ thuật truyền thống tiểu vùng sông Mã” (năm 1999) khôi phục được 10 điệu hò và vài chục lời hò trong tổ khúc hò sông Mã, phát hành CD các làn điệu hò sông Mã và VCD có lời bình,...

UBND tỉnh Thanh Hoá đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo. Ngành Văn hoá tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm, khôi phục, bảo tồn di sản hò sông Mã; quan tâm đội ngũ nghệ nhân; trao truyền nghệ thuật hò sông Mã tới cộng đồng; đầu tư kinh phí hỗ trợ đội ngũ thực hành dân ca hò sông Mã tại cộng đồng; hoàn thiện hồ sơ khoa học di sản văn hoá phi vật thể hò sông Mã đề xuất Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia. Khai trương tuyến du lịch *Ngược xuôi sông Mã* tại

bến thuyền Hàm Rồng (năm 2015). Đây là tuyến du lịch đường thủy đầu tiên tại Thanh Hoá, đưa hò sông Mã gắn với con đò, môi trường diễn xướng; tạo nên một loại hình sản phẩm du lịch khá mới cho ngành du lịch của tỉnh.

Việc các nhạc sĩ lấy hò sông Mã làm nguồn cảm hứng, chất liệu sáng tác ca khúc mang đậm âm hưởng hò sông Mã<sup>1</sup> đã góp phần lan toả, phát huy giá trị của hò sông Mã trong đời sống. Hò sông Mã đã được giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương.

Trung tâm Văn hoá tỉnh Thanh Hoá đã hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực: đào tạo nghệ nhân; thành lập Chi hội Bảo tồn, phục hồi hò sông Mã; hướng dẫn chương trình, nội dung hoạt động; thành lập các câu lạc bộ hò sông Mã; mở lớp tập huấn bảo tồn và phát huy giá trị hò sông Mã; mở lớp dạy và học hát hò sông Mã; tổ chức trình diễn hò sông Mã,...

Đưa hò sông Mã vào chương trình giáo dục di sản trong trường phổ thông là một trong những giải pháp quan trọng góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản đặc sắc này.



Hình 1.2. Các diễn viên quần chúng của huyện Hà Trung luyện tập trình diễn các làn điệu hò sông Mã



Hình 1.3. Trình diễn hò sông Mã trên sân khấu

<sup>1</sup> Ca khúc Thanh Hoá anh hùng (sáng tác: Hoàng Đạm), Chào sông Mã anh hùng (sáng tác: Xuân Giao), Hát mừng các cụ dân quân (sáng tác: Đỗ Nhuận), Yêu người Thanh Hoá (sáng tác: Đoàn Bổng), Về làm dâu sông Mã (sáng tác: Đồng Tâm),...



1. Tiếng hò sông Mã thể hiện những cung bậc cảm xúc nào? Tìm câu trả lời đúng.
- Tiếng hò cất lên để giải bày tâm sự, nỗi lòng của người dân gắn bó với sông nước.
  - Tiếng hò mạnh mẽ trong các cuộc đua thuyền.
  - Tiếng hò nặng nhọc khi con thuyền ngược nước.
  - Tiếng hò dứt khoát khi con đò vượt thác.
  - Tiếng hò khoan thai, nhẹ nhàng khi con thuyền xuôi dòng.
  - Tiếng hò buồn bã, ảo não, thê lương.
  - Tiếng hò háo hức khi con thuyền cập bến.

2. Xác định tính chất là làn điệu của 5 làn điệu trong hò Sông Mã theo gợi ý sau:

| Làn điệu       | Tính chất    | Xướng            | Xô           |
|----------------|--------------|------------------|--------------|
| 1. Hò rời bến  | Lời chào mời | <i>Í a dô ta</i> | <i>Dô tà</i> |
| 2. Hò đò ngược | ?            | ?                | ?            |
| 3. Hò đò xuôi  | ?            | ?                | ?            |
| 4. Hò mắc cạn  | ?            | ?                | ?            |
| 5. Hò cập bến  | ?            | ?                | ?            |

3. Làm việc nhóm, cho biết những giải pháp bảo tồn và phát huy di sản hò sông Mã phù hợp với lứa tuổi và năng lực.



1. sưu tầm một số lời ca theo 5 làn điệu trong hò Sông Mã (hò rời bến, hò đò ngược, hò đò xuôi, hò mắc cạn và hò cập bến).
2. Làm tờ rơi giới thiệu sự độc đáo của di sản hò Sông Mã với bạn bè, người thân và cộng đồng.

## MỤC TIÊU

- Nêu được nét đặc trưng của món ăn mắm tép Hà Yên và nem chua Thanh Hoá (nguyên liệu, cách làm, thưởng thức).
- Hiểu được giá trị văn hoá, kinh tế của món ăn mắm tép, nem chua trong đời sống của người dân và trong văn hoá ẩm thực xứ Thanh.
- Tuyên truyền và giới thiệu được món truyền thống của địa phương với người thân, bạn bè.



Hình 2.1.

Em đã biết những gì về món ăn đặc sản này của Thanh Hoá? Nêu cảm nhận của em về những món ăn trên.

**1 Tìm hiểu về mắm tép Hà Yên**



*Hình 2.2. Đình làng Hà Trung  
(xã Yên Dương, huyện Hà Trung)*



*Hình 2.3. Người dân Hà Yên đánh tép*

Xã Hà Yên (hiện nay là xã Yên Dương) thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Nơi đây có con sông Hoạt nổi tiếng với các nhánh sông, những con kênh và cánh đồng ngập nước nhiều rong rêu là nơi sinh sống của loài tép riu, loại nguyên liệu chính làm nên món mắm tép Hà Yên nổi tiếng.



*Hình 2.4. Đánh bắt và làm sạch tép riu*

Tép riu có nhiều nhất từ tháng 10 – 12 âm lịch hằng năm, lúc này tép đã trưởng thành, ngon và béo. Người dân Hà Yên thường sử dụng nhúi để đánh bắt tép trên sông Hoạt và các kênh quanh vùng.

Để bắt được tép riu người dân phải làm việc từ 3 – 4 giờ sáng vì lúc này tép chưa vào bờ nên bắt được nhiều. Tép được đánh lên lẫn nhiều rong, rêu, rác,... nên việc làm sạch tép vất vả và mất nhiều công sức.

### *a) Nguyên liệu*

Nguyên liệu chính làm mắm tép:



*a) Tép riu tươi*



*b) Thính gạo giã nhỏ và muối sạch*

*Hình 2.5. Nguyên liệu làm mắm tép Hà Yên*

### *b) Cách làm mắm tép*

Mắm tép Hà Yên được làm từ loại tép riu có thân hình nhỏ màu trong xanh, tươi rói, vì vậy mắm làm ra thường có màu sắc, mùi vị đặc biệt thơm ngon.

Tép riu sau khi đã được rửa sạch, ráo nước, mang ướp theo tỉ lệ: 10 bát tép, 4 bát muối, 2 bát thính gạo rang vàng xay nhỏ. Trộn đều các nguyên liệu trên đến khi con tép đỏ lên là được, tiếp đó cho vào chum sành. Đổ nước xấm xấp, đậy thật kín. Mắm được ủ trong thời gian 1 – 2 tháng là ăn được, nhưng mắm ngon nhất phải được ủ từ 6 tháng trở lên.

### *c) Thường thức mắm tép*

Mắm tép Hà Yên thường có màu hồng đỏ tươi đẹp, mùi vị thơm đặc biệt.

Có nhiều cách để thưởng thức món mắm tép Hà Yên: Đơn giản nhất là ăn trực tiếp hoặc trộn mắm tép với mì chính, đường chung hoặc hấp nóng. Mắm tép chung với tóp mỡ tạo mùi thơm ngậy, ăn với cơm trắng rất hợp. Cũng có thể thưởng thức

món thịt ba chỉ luộc chấm mắm tép, kèm theo vài lát dưa chuột, rau thơm, rau húng vị thơm ngon, quyến rũ, đây là cách thưởng thức mắm tép tinh tế nhất.



Hình 2.6. Các hình thức thưởng thức mắm tép Hà Yên

 Em hãy nêu một số đặc điểm về nguyên liệu và cách làm mắm tép Hà Yên.



### EM CÓ BIẾT?

Các vua nhà Nguyễn quê gốc ở Hà Trung, Thanh Hoá. Có lẽ cũng vì nhớ quê, nên ưa thích dùng món mắm tép. Vì vậy dân làng Đình Trung, xã Hà Yên, huyện Hà Trung nổi danh vì món mắm tép tiến vua có một không hai. Để làm được mắm tép tiến vua, làng phải chọn người có kinh nghiệm bắt tép, làm mắm. Phải chọn giống tép riu thân nhỏ sống trong vùng nhiều rong rêu, con tép trong xanh được chọn lọc kỹ càng, rửa thật sạch qua nước có pha nước cốt riềng già và để ráo. Thính gạo là loại nếp cái rang vàng, giã nhỏ rây lọc bột mịn. Muối được rang kỹ, lọ sành để ủ mắm là loại cổ nhỏ, đã được dùng nhiều lần. Tép riu trộn thính, muối theo tỉ lệ nhất định, đảo thật đều và cho vào lọ. Dùng giấy bản quét vôi nhiều lớp để bịt miệng lọ thật kín, ghi ngày tháng làm mắm. Dem hũ mắm ủ trong lớp tro gần bếp lửa. Chừng 5 – 6 tháng mắm ngấu, có màu tươi, nước thơm mới đem ra sử dụng.

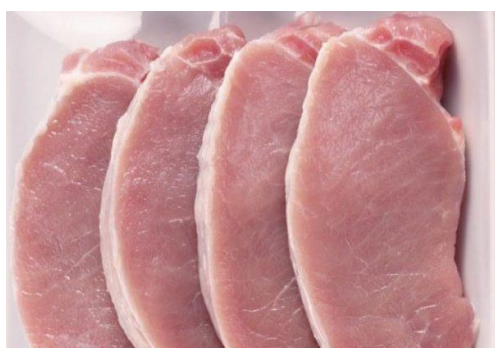
## 2 Tìm hiểu về nem chua Thanh Hoá



Hình 2.7. Nem chua Thanh Hoá

Nhiều vùng miền trong cả nước làm nem chua, nhưng nem chua Thanh Hoá vẫn ngon và độc đáo hơn cả. Nem xứ Thanh có nhiều loại: nem thính, nem chạc, nem nướng,... nổi tiếng nhất vẫn là nem chua.

### a) Nguyên liệu



a) Thịt lợn nạc



b) Bì lợn thái sợi



c) Gia vị, tỏi ớt và lá chuối tươi

Hình 2.8. Các nguyên liệu làm nem chua ở Thanh Hoá

Thịt lợn nạc: phải sử dụng loại thịt còn nóng khi vừa thịt lợn xong, ngon nhất là thịt nạc mỡ, lọc thịt kĩ, bỏ sạch gân.

Bì lợn: cạo thật sạch, hớt bỏ hết phần mỡ bám vào bì.

Thính gạo: chọn gạo ngon, rang vàng, xay thật nhỏ, mịn.

Gia vị: muối, bột gia vị, tỏi, ớt, lá đinh lăng, hạt tiêu.

Lá chuối: tốt nhất là lá chuối hột và còn tươi.

### *b) Cách làm*

Thịt lợn nạc, lọc sạch gân (không được rửa nước), xay nhuyễn (trước đây thịt được giã tay bằng chày gỗ, cối đá).



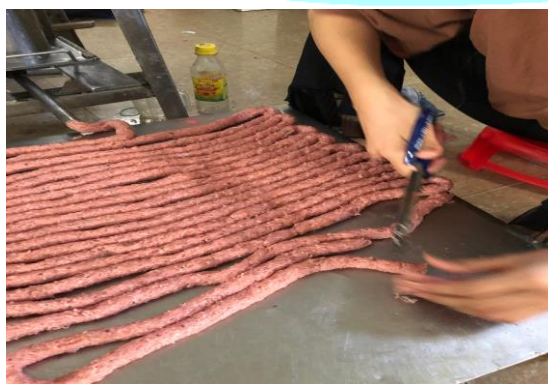
Bì lợn làm sạch, lạng mỏng, cắt thành sợi nhỏ. Thịt nạc xay, bì lợn được trộn muối, gia vị và cho vào máy trộn đều.



Các nguyên liệu được xay nhuyễn và trộn đều. Trộn gia vị, tra thính là những bí quyết quan trọng trong quá trình làm nem.



Các nguyên liệu sau khi đã trộn đều sẽ được ép khuôn, cắt đều theo hình dạng từng cái nem.



Lá chuối được tước theo kích cỡ nhất định, cho nguyên liệu đã cắt vào lá chuối thực hiện công đoạn gói nem. Gói nem đòi hỏi sự khéo léo, nhanh nhẹn (trong khi gói có thể cho thêm các lát ớt, tỏi cắt mỏng, một vài lá đinh lăng) phải gói nhiều lớp lá để thịt lợn dễ lên men.



Nem thành phẩm được đóng thành từng chục đều đặn, bắt mắt.



### *c) Thường thức nem chua*

Tuỳ theo thời tiết và nhiệt độ khi sản xuất, thời gian nem chín sẽ khác nhau (mùa hè thời tiết nóng nem chín nhanh hơn mùa đông).

Quả nem chín khi bóc hết lớp vỏ phải cứng, đông đặc, nhẵn bóng, màu hồng nhạt, hương thơm đặc trưng. Nem thường chấm với tương ớt khi ăn. Nem chua Thanh Hoá có vị ngọt béo đậm đà của thịt lợn, vị giòn của bì lợn; vị dòn dốt chua

thơm của nem được chuyển hoá từ thính gạo; mùi vị tổng hợp của lá đinh lăng, tỏi, ớt, hạt tiêu, tất cả mùi vị trên hoà quyện vào nhau tạo nên hương vị độc đáo và đặc trưng của nem chua Thanh Hoá.

Nem chua được dùng trong các bữa ăn, bữa tiệc, trong lễ hội, đám cưới hỏi,... Nem chua xứ Thanh được nhiều người ưa thích. Từng chùm nem chua xinh xắn, màu xanh bắt mắt cùng bạn bè đi ngược về xuôi là món quà quê mang theo tình người xứ Thanh tinh tế, đậm ấm.



**Hãy nêu quy trình làm nem chua Thanh Hoá. Theo em, để có món nem ngon, khâu chuẩn bị và gói nem cần lưu ý những điều gì?**



### **Bảo tồn và phát huy giá trị của món ăn mắm tép, nem chua**

Mắm tép làng Đình Trung xã Hà Yên đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp giấy chứng nhận đăng kí nhãn hiệu vào tháng 6 – 2016. Nhưng nghề làm mắm tép đang dần mai một và có nguy cơ thất truyền do nguồn nguyên liệu ngày càng thu hẹp và người đi bắt tép ngày càng ít (vì vất vả, thu nhập thấp). Nước sông Hoạt, sông Tam Điệp ngày một ô nhiễm. Ruộng sâu, đầm trũng, rong rêu ngày một thu hẹp ảnh hưởng đến môi trường sống của loài tép riu. Hiện nay, tỉnh Thanh Hoá đã và đang có nhiều biện pháp để duy trì, phát triển nghề truyền thống làm mắm tép Hà Yên một món ngon nổi tiếng được ưa chuộng.

Những năm 1970, thành phố Thanh Hoá chỉ có 3 – 4 cơ sở sản xuất nem chua. Ngày nay, nem chua đã trở thành hàng hoá có sức tiêu thụ lớn, thành phố Thanh Hoá và các huyện ven đô có hàng trăm cơ sở sản xuất nem chua. Nghề làm nem chua mang lại thu nhập cao, thu hút lượng lao động lớn. Các cơ sở sản xuất lớn cần mấy chục lao động để gói nem, thu gom lá chuối; trồng cây chuối lấy lá để làm nem cũng trở thành một nghề.



**Để bảo tồn và phát huy hai món ăn đặc sản là mắm tép Hà Yên và nem chua Thanh Hoá em phải làm gì?**



1. Phân tích môi trường sinh sống của loài tép riu làm mắm tép. Hiện nay môi trường sống của loài tép riu đang bị ảnh hưởng và dần thu hẹp, em hãy đề xuất một vài biện pháp để cải thiện môi trường sống của loài tép này.
2. Viết một đoạn văn nêu cảm nhận của em về các món ăn đặc sản của Thanh Hoá (mắm tép, nem chua). Qua hai món ăn này em biết thêm điều gì về người dân xứ Thanh?
3. Có thể nói mắm tép và nem chua là những món ăn thể hiện sự tinh tế, độc đáo trong văn hoá ẩm thực của con người xứ Thanh. Em hãy chứng minh nhận định trên.



1. Lập dự án để tuyên truyền và giới thiệu về hai món ẩm thực độc đáo của xứ Thanh: mắm tép Hà Yên, nem chua Thanh Hoá.
2. Nếu có điều kiện (như các trường học ở Hà Trung) thầy cô giáo cho các em trải nghiệm quan sát cánh đồng sâu trũng nhiều rong rêu, cách người dân đánh bắt tép. Tham quan nơi sản xuất và thưởng thức móm nem chua.

MỤC TIÊU

- Trình bày được khái quát thời gian, địa điểm ra đời, đặc trưng thờ Mẫu của đền Sông Sơn.
- Mô tả được nét đẹp văn hoá của lễ hội đền Sông Sơn.
- Tự hào, có ý thức và việc làm phù hợp để góp phần bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống của đền Sông Sơn.



Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam, xứ Thanh có nhiều danh thắng được người đời ngợi ca. Ví dụ:

*Đền Sòng thiêng nhất tỉnh Thanh.*

*Tình cờ ta lại gặp ta*

*Vui bằng mở hội tháng ba đền Sòng.*

Em cảm nhận gì về đền Sông Sơn, tỉnh Thanh Hoá qua các câu ca dao trên?



1 Khát quát về đền Sông Sơn

Đền Sông Sơn là ngôi đền thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh, một trong bốn vị Thánh “Tứ bất tử”<sup>1</sup> trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Trước đây, ngôi đền được gọi là

<sup>1</sup> “Tứ bất tử” trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam: Tản Viên Sơn Thánh, Phù Đổng Thiên Vương, Chử Đồng Tử, Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

đền Sùng Trân, xây dựng dưới triều vua Lê Hiển Tông (1740 – 1786) ở trang Cổ Đàm, Phú Dương, Phủ Tống, Thanh Hoá, nay thuộc địa phận phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá.



*Hình 3.1. Đền Sòng Sơn, tỉnh Thanh Hoá*

Đền Sòng Sơn có niên đại cách ngày nay gần 300 năm. Năm 1998, đền trải qua một đợt đại trùng tu. Ngày 18 – 1 – 1993, đền Sòng Sơn cùng với 8 di tích danh thắng khác ở thị xã Bim Sơn đã được Bộ Văn hoá – Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử văn hoá – danh thắng cấp quốc gia.

### **EM CÓ BIẾT?**

Tương truyền, Liễu Hạnh công chúa là con của Ngọc Hoàng. Bà được Ngọc Hoàng cho đầu thai hoá kiếp giáng trần ba lần. Lần thứ nhất (thế kỉ XVI) và lần thứ hai (thế kỉ XVII) bà giáng thế ở Nam Định. Tới lần thứ ba (thế kỉ XVIII) bà giáng thế ở Thanh Hoá. Mỗi lần giáng thế đều có những hoàn cảnh khác nhau, nhưng tựu chung Thánh Mẫu Liễu Hạnh là người giàu lòng nhân từ, hiếu thảo, làm điều thiện giúp đỡ người nghèo khó. Nhất là lần giáng thế thứ ba, trong bối cảnh loạn lạc Trịnh – Nguyễn phân tranh, Thánh Mẫu Liễu Hạnh đi khắp nơi cứu trợ người nghèo khổ.

## 2 Không gian kiến trúc đền Sòng Sơn

Đền Sòng Sơn mặt hướng về phía Tây Bắc. Trước đền có một hồ nước tự nhiên hình bán nguyệt, quanh năm xanh trong, đó là hồ cá Thần. Tương truyền, hàng năm cứ đến tháng Giêng, tháng Hai âm lịch, có một đàn cá toàn thân màu đỏ lũ lượt kéo về bơi lội trong hồ, khi Lễ hội đền Sòng Sơn kết thúc, thì đàn cá tự nhiên biến mất. Dân gian cho rằng đó là các nàng tiên trên thượng giới được hoá phép về hầu Thánh Mẫu Liễu Hạnh, đồng thời đi vãn cảnh đẹp ở hạ giới. Tan hội, các nàng tiên lại trở lên thượng giới.



Hình 3.2. Cổng đền Sòng Sơn

Từ hồ cá Thần, xuất hiện hai dòng suối nhỏ. Phía trước đền có chiếc cầu bằng đá. Hai suối nước hợp lưu cùng chín dòng nước phun lên từ lòng đất tạo thành chín giếng nước tự nhiên không bao giờ voi cạn. Nhân dân dựng ngôi đền cạnh chín cái giếng tự nhiên đó và gọi là đền Chín Giếng để thờ Cô Chín – một tiên nữ được vua cha Ngọc Hoàng cho theo hầu Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Đền cô Chín là một công trình nằm trong quần thể của di tích đền Sòng Sơn, cách đền 1km về phía đông.

Qua cổng Tam Quan, sau khi dâng hương trước tượng Phật bà Quan Âm Bồ Tát; du khách vào dâng hương cung Đệ Tam, là cung thờ Hội đồng Thánh Quan, trong đó thờ các ông Hoàng và các Cô đệ tử, nổi bật là ông Hoàng Bơ (Ba), Ông Hoàng Bảy. Tại cung này phối thờ cả Đức Thánh Trần Hưng Đạo. Tiếp đến là cung Đệ Nhị – thờ

Ngọc Hoàng (Vua Cha của Thánh Mẫu Liễu Hạnh) và các Quan. Cuối cùng là cung Đệ Nhất, đây là cung thâm nghiêm, ít khi được mở cửa trừ những ngày lễ rước Thánh Mẫu hàng năm vào tháng Hai âm lịch. Gian chính cung Đệ Nhất có tượng thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh, trong trang phục màu đỏ lộng lẫy, dáng ngồi uy nghi. Hai bên tượng Thánh Mẫu là hai tượng đệ tử thân tín: Quế Nương, Nhị Nương, vốn là hai tiên nữ được Ngọc Hoàng cho theo hầu chúa Liễu Hạnh trong lần giáng trần thứ 3. Quế Nương trong trang phục màu hồng, Nhị Nương trong trang phục màu xanh. Hai gian bên có tượng thờ Mẫu Thoải và Mẫu Thượng Ngàn. Trên các cột và xà ngang trong đền được trang trí 26 cuốn thư, hoành phi, câu đối suy tôn, ca ngợi công đức của Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Đặc biệt, trong gian giữa chính tâm phía trên linh tượng Thánh Mẫu, có bức đại tự sơn son thếp vàng, với bốn chữ “Mẫu Nghi Thiên Hạ” (Người Mẹ mẫu mực của muôn dân).

### Lễ hội đền Sòng Sơn

Mùa xuân vốn được trời đất ban cho tiết trời phù hợp với lễ hội. Lễ hội đền Sòng Sơn được tổ chức từ ngày 10 đến ngày 26 tháng Hai âm lịch hàng năm, nằm trong tiết “Xuân Thu nhị kỳ” của các lễ hội truyền thống Việt Nam. Dân gian xưa có câu:

*Nhất vui là hội Phủ Dầy*

*Vui là vui vậy, chẳng tày Sòng Sơn.*

Chính hội ngày 25, diễn ra từ 5 giờ sáng đến 12 giờ trưa. Công việc chuẩn bị cho lễ hội bắt đầu từ trước đó một tháng. Trong quá trình chuẩn bị, người dân quanh vùng được đấm mình trong không gian linh thiêng, cùng nhau làm sạch đẹp cảnh quan môi trường, thành tâm sắm sửa các lễ vật và đồ dùng thiết yếu để tỏ lòng biết ơn Thánh Mẫu. Lễ vật gồm các sản vật của trời đất, mang tính giao hoà âm dương, như: hoa quả, bánh kẹo, xôi gà, xôi thịt. Một số địa phương quanh vùng còn làm nhiều thứ bánh như bánh chưng, bánh lá rừng bừa, bánh nếp, bánh mật, bánh trôi đem tới dâng lễ, coi như lòng thành của hậu thế đối với đức Thánh Mẫu.



**Nhân dân bày tỏ lòng thành với Thánh Mẫu Liễu Hạnh như thế nào thông qua việc chuẩn bị lễ vật?**

Thủ tục trong lễ hội không nhiều nhưng được sắp xếp chặt chẽ theo một quy trình đầy ý nghĩa, rất tinh túy của người xưa.

Theo tài liệu cổ ghi lại, việc tiến hành nghi thức cúng lễ do phụ nữ đảm nhiệm, gọi là Bà Đồng. Bà Đồng thường là những người sống độc thân từ hồi còn trẻ, tự nguyện làm nghề đồng và coi giữ đền, hầu Mẫu, hầu Thánh bằng nhiều hình thức như lên đồng, nhảy đồng,... Nam giới thường chỉ đánh đàn và hát chầu văn. Trong thời gian mở hội, các bà Đồng phải sống riêng biệt: ở ẩn và ăn chay để giữ cho lòng mình luôn thanh sạch, không vương bụi trần.

Phần lễ trọng là nghi thức rước kiệu Thánh Mẫu từ đền Sòng Sơn đến đền Chín Giếng và tế nữ quan. Trình tự cuộc tế lễ như sau: Già làng Cổ Đạm sau khi thấp một tuần nhang cáo yết cầu Thánh Mẫu ban cho dân làng một năm an khang, thịnh vượng, thì bắt đầu tổ chức rước Mẫu. Tượng Thánh Mẫu được ngự kiệu từ chính tẩm rước qua cung Đệ Nhị, Đệ Tam và rước quanh đền. Việc rước này theo quan niệm của dân gian là để cho Thánh Mẫu có thể quan sát lại cảnh vật, đất đai, sông núi xưa mà Bà từng gắn bó thời xa xưa trong lần hạ giới thứ 3.



*Hình 3.3. Nghi lễ rước kiệu Thánh Mẫu tại lễ hội đền Sòng Sơn*

Đi trước đoàn rước là chiêng, trống, rồi đến bàn thờ đặt những lễ vật và đồ tế khí (chỉ bà Đồng được gánh trên vai những thứ thiêng liêng ấy). Trên bàn thờ bày biện đồ cúng tế, hòm đựng những đồ giấy màu vàng óng ánh và tô màu sắc tượng trưng

cho quần áo, hoa khăn của Thánh Mẫu, tiếp theo sau là kiệu Thánh Mẫu. Mười sáu cô gái đồng trinh trang phục quần áo sắc sảo đi giết lùi trước kiệu của Thánh Mẫu. Sau kiệu cũng có mười sáu cô gái đồng trinh giơ cao lư hương, tung hoa, cầm tán che cho kiệu. Các cô gái được chọn tham gia tế lễ đều là những thiếu nữ tuổi từ 14 đến 16 tuổi, nét na, xinh đẹp, gia đình hoà thuận, an khang. Sau khi rước Thánh Mẫu vào chính tẩm an vị, bắt đầu vào tế nữ quan, cuộc tế kéo dài tới nửa ngày.

**?** Hãy mô tả một số nét chính của phần lễ trong lễ hội đền Sòng Sơn.

Phần hội là những trò chơi như đánh vật, đấu võ, thi hát đối châu văn. Trước kia các trò chơi tương đối phong phú như múa rồng, đánh cò, đánh đu, leo dây, múa sư tử,... Ngày nay do thời gian buổi lễ rút ngắn lại nên các trò chơi theo đó cũng giảm dần, chỉ giữ lại một số trò độc đáo.



Hình 3.4. Thi đấu cờ thê tại giải cờ tướng trong khuôn khổ lễ hội.

**?** Nêu một số trò chơi dân gian trong lễ hội đền Sòng Sơn.



1. Thảo luận nhóm và hoàn thành nội dung chính của lễ hội đền Sòng Sơn theo gợi ý sau:
  - Thời gian diễn ra lễ hội;
  - Công việc chuẩn bị;
  - Phần lễ (đồ tế, người làm chủ tế, hoạt động tế lễ, ý nghĩa);
  - Phần hội (các trò chơi dân gian, ý nghĩa).
2. Tại sao đền Sòng Sơn được coi là một dấu ấn tiêu biểu về tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt.
3. sưu tầm hình ảnh, ca dao tục ngữ về đền Sòng Sơn (ngợi ca phong cảnh, phản ánh tính linh thiêng).



1. Em hãy đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu cho du khách biết về đền Sòng Sơn (sử dụng sơ đồ, hình ảnh minh họa).
2. Liệt kê và nhận xét những mặt tích cực và tiêu cực trong lễ hội đền Sòng Sơn theo hiểu biết của em.
3. Kể tên một số việc làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống của đền Sòng Sơn.

## Chủ đề 4

# TÀI NGUYÊN ĐẤT, NƯỚC VÀ GIÁ TRỊ KINH TẾ

### MỤC TIÊU

- Trình bày được đặc điểm của tài nguyên đất, nước ở tỉnh Thanh Hoá.
- Phân tích được các giá trị kinh tế của tài nguyên đất, nước của tỉnh Thanh Hoá.
- Có kĩ năng sử dụng lược đồ về tài nguyên đất, nước; sử dụng phương pháp hợp tác, làm việc nhóm.
- Có ý thức phòng tránh, ứng phó phù hợp với những tác hại tới tài nguyên đất, nước.



Là một tỉnh nằm ở phía bắc vùng Bắc Trung Bộ, diện tích tự nhiên rộng lớn, địa hình đa dạng với 3/4 diện tích là đồi núi, tài nguyên đất, nước ở Thanh Hoá có những đặc điểm nổi bật gì?



### 1 Tài nguyên đất của tỉnh Thanh Hoá và giá trị kinh tế

#### a) Tài nguyên đất của tỉnh Thanh Hoá

*\* Nhóm đất chính ở vùng đồng bằng*

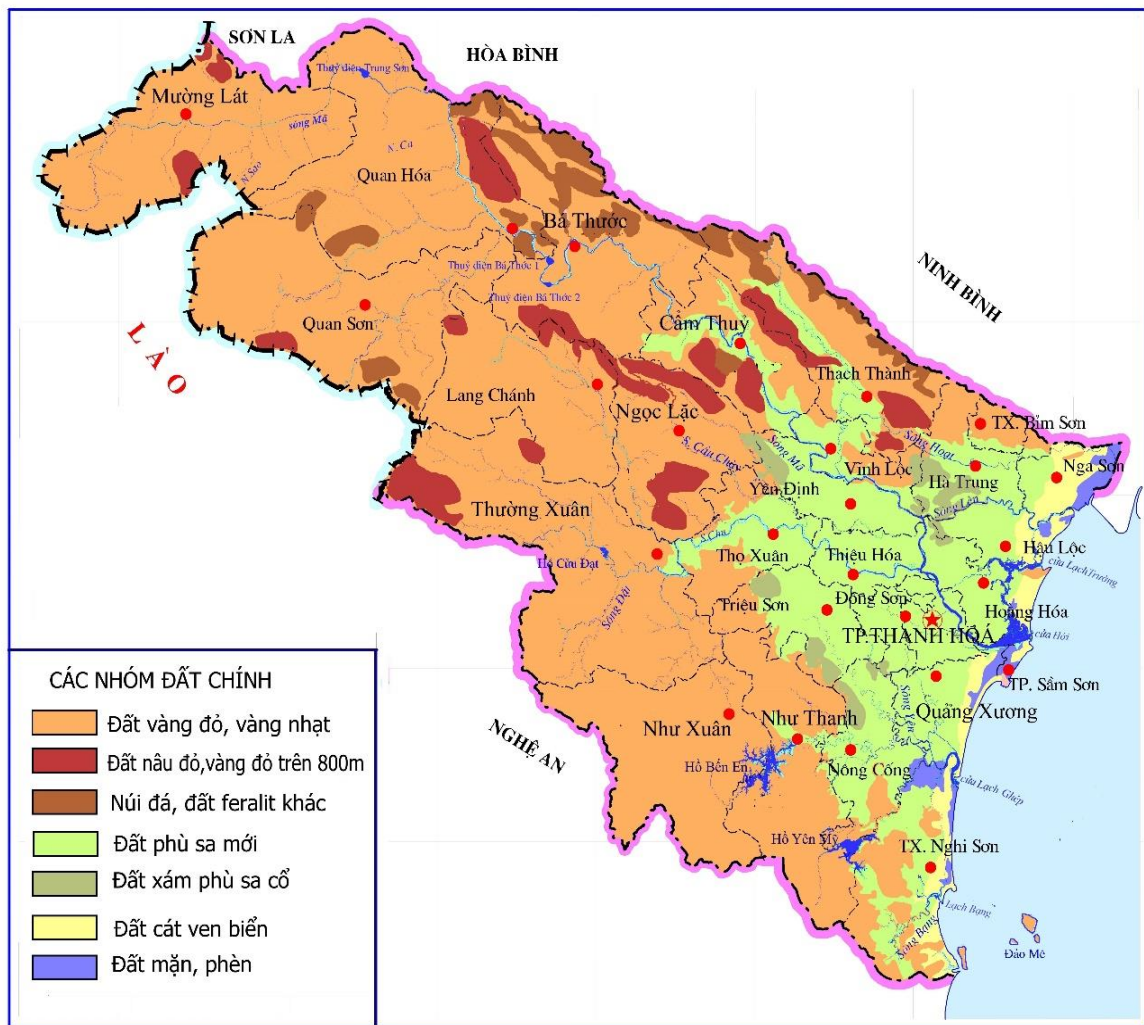
Nhóm đất phù sa ở vùng đồng bằng có diện tích lớn nhất so với các tỉnh duyên hải miền Trung, gồm các loại đất chính: đất phù sa mới, đất bạc màu trên phù sa cổ, đất cát ven biển và đất mặn (bảng 4.1).

**Bảng 4.1. Các nhóm đất chính**

| <i>TT</i> | <i>Nhóm đất chính<br/>vùng đồng bằng</i>         | <i>Diện tích<br/>(km<sup>2</sup>)</i> | <i>Tỉ lệ<br/>(%)</i> | <i>TT</i> | <i>Nhóm đất chính<br/>vùng đồi núi</i>                                         | <i>Diện tích<br/>(km<sup>2</sup>)</i> | <i>Tỉ lệ<br/>(%)</i> |
|-----------|--------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------|
| 1         | Đất phù sa mới:<br>đất ngoài đê, đất<br>trong đê | 1 413                                 | 12,7                 | 5         | Đất đỏ vàng đến<br>vàng nhạt                                                   | 5 899                                 | 53                   |
| 2         | Đất bạc màu trên<br>phù sa cổ                    | 265,4                                 | 2,4                  | 6         | Đất nâu đỏ trên mắc<br>ma, đá vôi, biến<br>chất và đất mùn<br>vàng đỏ trên núi | 1 325                                 | 11,7                 |
| 3         | Đất cát ven biển                                 | 159,6                                 | 1,4                  | 7         | Núi đá và các loại<br>đất khác                                                 | 1 886                                 | 17,7                 |
| 4         | Đất mặn                                          | 120                                   | 1,1                  |           |                                                                                |                                       |                      |

Vùng đồng bằng có diện tích là 1 623,4 km<sup>2</sup> được bồi tụ bởi phù sa sông và biển, trong đó, đất phù sa mới chiếm diện tích lớn nhất gồm đất ngoài đê và đất trong đê. Đất ngoài đê chiếm diện tích nhỏ, có tầng đất dày màu mỡ, được bổ sung phù sa hằng năm vào mùa nước lũ tạo thành các bãi dọc, mở rộng ven hai bờ sông ở vùng đồng bằng và thu hẹp ở vùng đồi núi. Vùng đất bãi sông rộng nhất chạy dọc theo sông Mã kéo dài từ Cẩm Giang (huyện Cẩm Thủy) ra đến biển và sông Chu từ Bái Thượng (huyện Thọ Xuân) đến ngã ba Giàng (thành phố Thanh Hoá). Đất phù sa trong đê chiếm phần lớn diện tích đồng bằng tuy không được bồi hằng năm nhưng có tầng đất dày, màu mỡ, tưới tiêu thuận lợi. Trong vùng đất này còn có các khu vực thấp, trũng đất lầy bị ngập nước ở huyện Hà Trung, Nông Cống,... Hiện nay, nhiều diện tích đất ở các ô trũng này đã được cải tạo để trồng lúa, nuôi cá.

Đất bạc màu phù sa cổ ở rìa phía tây, tây bắc đồng bằng có bề mặt cao hơn đồng bằng phù sa mới, bị rửa trôi và xói mòn mạnh, nghèo dinh dưỡng, đất chua.



Hình 4.1. Lược đồ các nhóm đất chính ở Thanh Hoá

Vùng ven biển có đất cát, đất mặn. Đất mặn có tầng đất thịt dày, màu nâu thẫm. Đất cát biển có tầng đất thịt pha cát hạt mịn và các bãi cát, cồn cát ven biển; màu sắc của đất thay đổi từ xám nâu đến xám sáng, đất ít chua, nghèo dinh dưỡng.

Ngoài ra, trong vùng đồng bằng còn có vùng đồi tiếp giáp vùng đồi núi phía tây, nhiều núi sót với đất feralit vàng, đỏ, đất xói mòn tro sỏi đá ở các huyện, thị: Vĩnh Lộc, Thọ Xuân, Triệu Sơn, Bìm Sơn, Hà Trung, Nghi Sơn,...



– Dựa vào bảng 4.1, em hãy cho biết những nhóm đất có diện tích chiếm tỉ lệ trên 10% so với diện tích tự nhiên.

– Quan sát hình 4.1, em hãy chỉ vùng phân bố các loại đất chính ở vùng đồng bằng trên lược đồ.

*\* Các nhóm đất chính ở vùng đồi núi*

Vùng đồi núi Thanh Hoá chủ yếu là đồi núi thấp nhưng ít bề mặt san bằng, không có cao nguyên, địa hình dốc, dễ bị xói mòn, rửa trôi. Nhóm đất hình thành trực tiếp trên vùng đồi núi là đất feralit. Các loại đất vùng đồi núi gồm 3 nhóm đất chính (bảng 4.1).

Nhóm đất đỏ vàng đến vàng nhạt, chiếm phần lớn diện tích ở vùng đồi núi và chiếm tới 53% diện tích tự nhiên. Trong vùng đất này còn có một diện tích nhỏ đất phù sa ở các thung lũng, ven các sông, suối lớn.

Nhóm đất nâu đỏ trên đá mắc ma, đá vôi, đá biến chất và đất mùn vàng đỏ trên núi. Đất nâu đỏ với tầng đất dày, màu mỡ phân bố ở vùng thấp, độ dốc nhỏ thuận lợi cho canh tác nông nghiệp. Đất mùn vàng đỏ có mùn trên núi diện tích ít, tuy màu mỡ nhưng phân bố ở nơi có độ cao trên 800 m, khó canh tác nông nghiệp.

Nhóm núi đá và các loại đất khác: ít có giá trị nông nghiệp nhưng nhiều vùng núi đá ở Thanh Hoá là nguồn khoáng sản có giá trị kinh tế cao.



**Quan sát hình 4.1, em hãy chỉ vùng phân bố các loại đất chính ở vùng đồi núi trên lược đồ.**

### ***b) Giá trị kinh tế của tài nguyên đất ở tỉnh Thanh Hoá***

Ở vùng đồng bằng, đất phù sa mới có giá trị lớn nhất cho việc trồng lúa nước, rau, màu, tập trung ở các huyện: Yên Định, Thiệu Hoá, Triệu Sơn, Đông Sơn, Thọ Xuân,... Vùng đất bãi, đất xám phù sa cổ, đất vùng đồi thấp có giá trị trồng cây hàng năm khác: ngô, mía, sắn, dưa,... Ngoài ra, đất nhiều vùng đồi thuộc các huyện Thọ Xuân, Yên Định, Triệu Sơn,... đã được quy hoạch trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò sữa. Vùng đất mặn ven biển có giá trị trồng cói, trồng rừng ngập mặn,...

Đất vùng đồi núi thấp có độ dốc nhỏ ở các huyện Thạch Thành, Ngọc Lặc, Như Thanh, Như Xuân, Cẩm Thuỷ có giá trị trồng cây lâu năm tập trung thành vùng chuyên canh. Đất nâu đỏ rất tốt cho việc trồng cao su, cà phê, đất vàng đỏ thích hợp cho trồng chè, cây ăn quả như vải, nhãn, ổi, cây hàng năm như mía, dưa,...

Đất vùng đồi núi có độ dốc lớn hơn ( $> 25^\circ$ ) chiếm phần lớn diện tích tự nhiên có giá trị chính cho việc trồng rừng, chăm sóc bảo vệ rừng thường phân bố chủ yếu ở các huyện miền núi.

Vùng núi đá phần lớn là đá vôi, đá hoa của tỉnh là nguyên liệu chính cho ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, chạm khắc đá,...

Tuy có diện tích đất lớn, nhưng 3/4 diện tích là đồi núi nên Thanh Hoá có diện tích đất nông nghiệp không lớn. Số dân đông làm cho chỉ tiêu đất nông nghiệp và đất canh tác tính trên đầu người thấp hơn nhiều tỉnh khác. Vùng đồng bằng, đất cho sản xuất nông nghiệp tốt nhất đang ngày càng thu hẹp do chuyển từ đất nông nghiệp sang đất chuyên dùng và đất thổ cư. Vùng đồi núi, nạn phá rừng làm cho diện tích đất trống đồi núi trọc ngày càng tăng nhanh, đặc biệt trên nhiều sườn dốc đất bị xói mòn, rửa trôi mạnh, tro sỏi đá. Đất ở đây còn bị suy thoái, bạc màu do canh tác lâu dài ít được bón phân chăm sóc.

Để sử dụng hợp lý tài nguyên đất ở vùng đồng bằng cần tránh lãng phí khi chuyển mục đích sử dụng đất, chú trọng các biện pháp thủy lợi chống úng, chống hạn, thau chua, rửa mặn, tăng vụ trong mùa khô, cải tạo đất. Ở vùng đồi núi, cần áp dụng các hình thức nông – lâm kết hợp, sử dụng kỹ thuật canh tác trên đất dốc, tích cực bón phân hữu cơ, giữ độ che phủ cho đất để tránh xói mòn và giữ ẩm cho đất.

## **2 Tài nguyên nước của tỉnh Thanh Hoá và giá trị kinh tế**

### **a) Tài nguyên nước của tỉnh Thanh Hoá**

*\* Tài nguyên nước mặt: sông, hồ*

Thanh Hoá có nhiều sông, hướng chảy chủ yếu theo hướng tây bắc xuống đông nam gồm năm hệ thống sông: sông Hoạt, sông Mã, sông Yên, sông Lạch Bạng và sông Chàng. Chế độ nước sông trùng với mùa khí hậu, mùa đông các con sông ít nước; mùa mưa sông nhiều nước, lũ có thể xảy ra từ tháng 5 đến tháng 10 hằng năm. Thời gian xuất hiện một con lũ không dài khoảng từ 7 – 10 ngày, lũ lên rất nhanh và xuống nhanh.

– Hệ thống sông Hoạt:

Hệ thống sông Hoạt gồm một số sông nhỏ: sông Hoạt, sông Càn đổ vào sông Lèn tại cửa Báo Văn, một nhánh đổ ra biển tại cửa Càn và một số phụ lưu nhỏ khác.

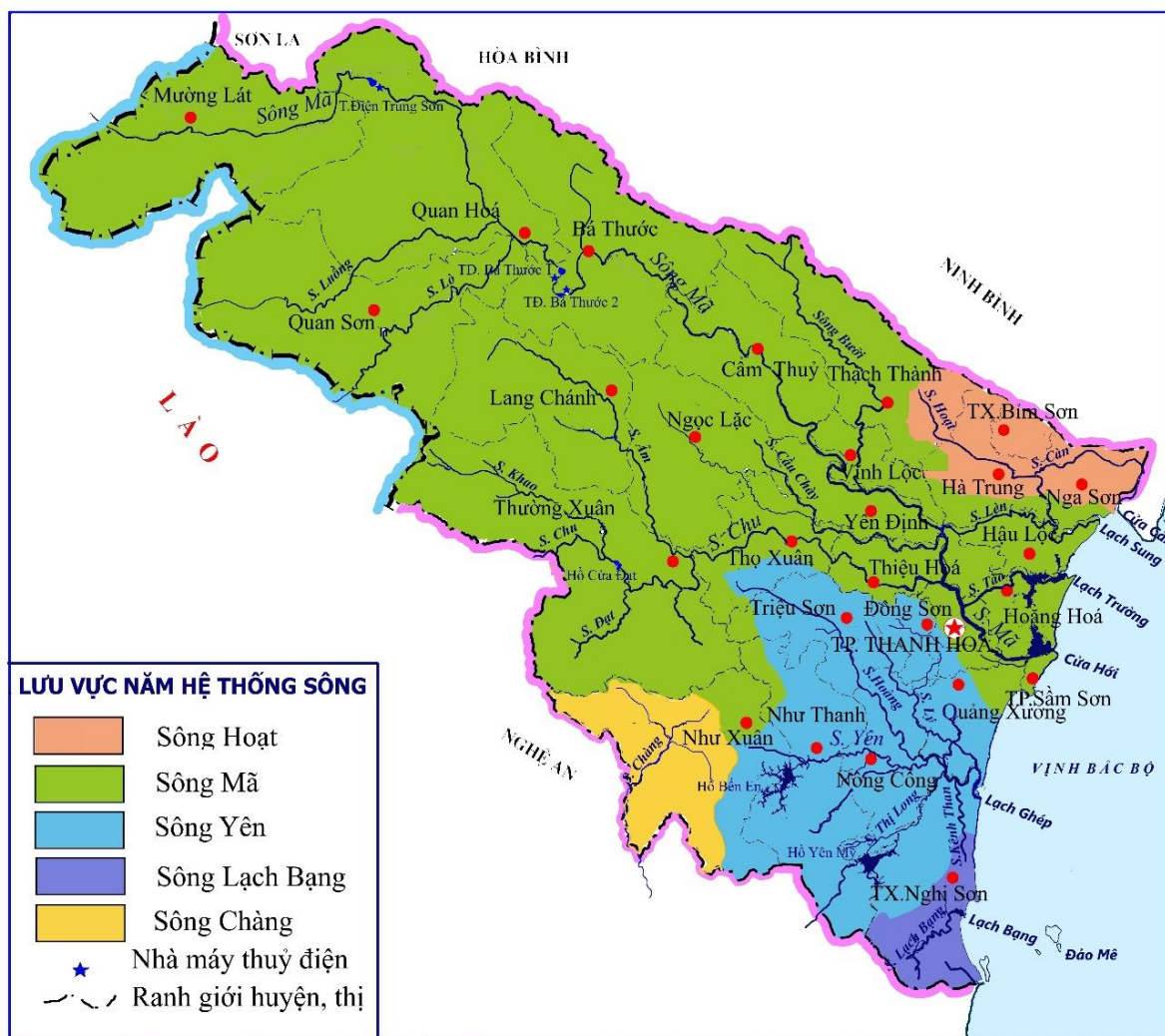
– Hệ thống sông Mã:

Sông Mã bắt nguồn từ huyện Tuần Giáo (tỉnh Điện Biên) chảy theo hướng tây bắc – đông nam qua đất Lào và trở lại đất Việt Nam tại huyện Mường Lát. Các phụ

lưu quan trọng của sông Mã là: sông Luông, sông Lò, sông Chu, sông Bưởi, sông Cầu Chày,...

Dòng chính của sông Mã đổ ra biển tại Cửa Hói, từ Hồi Xuân lên đầu nguồn lòng sông hẹp, cắt sâu vào địa hình và có rất nhiều ghềnh thác, từ Cẩm Giang (huyện Cẩm Thủy) ra biển lòng sông mở rộng.

Sông Mã có phụ lưu lớn nhất là sông Chu, ngoài ra còn có nhiều phụ lưu khác: sông Lò, sông Luông, sông Bưởi, sông Cầu Chày và nhiều dòng suối,...



Hình 4.2. Lược đồ năm hệ thống sông ở Thanh Hoá

– Hệ thống sông Yên:

Sông Yên có dòng chính dài 94,2 km, bắt nguồn từ xã Bình Lương (Như Xuân), đổ ra biển ở Lạch Ghép. Sông Yên có bốn phụ lưu lớn là sông Nhôm, sông Hoàng,

sông Lý và sông Thị Long. Phần lớn diện tích lưu vực thuộc các huyện Như Thanh, Triệu Sơn, Nông Cống, Quảng Xương.

– Hệ thống sông Lạch Bạng:

Hệ thống sông Lạch Bạng gồm dòng chính là sông Lạch Bạng, phụ lưu có sông Vực Hàng là 2 con sông nhỏ, ngắn. Vùng cửa sông chịu ảnh hưởng của thủy triều, lòng sông mở rộng.

– Hệ thống sông Chàng:

Sông Chàng là một nhánh của sông Hiếu thuộc hệ thống sông Lam. Đây là con sông duy nhất của tỉnh đổ ra tỉnh khác (Nghệ An). Lưu vực sông chiếm một phần diện tích huyện Như Xuân.

Ngoài hệ thống sông tự nhiên, Thanh Hoá còn có hệ thống kênh đào rất lớn, đứng hàng đầu so với các tỉnh, thành phố cả nước, phục vụ nhu cầu thủy lợi, giao thông và đời sống như: kênh nhà Lê, kênh thủy lợi.

– Các hồ, đập lớn:

Thanh Hoá rất ít hồ tự nhiên lớn, các hồ lớn là hồ thủy lợi, thủy điện. Hồ lớn nhất là Cửa Đạt dung tích 1,3 tỉ m<sup>3</sup> tiếp đến là hồ sông Mực (Bến En), Yên Mỹ, Trung Sơn. Các hồ khác nhỏ hơn là hồ Đồng Ngư, Duồng Cốc, Cống Khê, Thung Bằng được xây dựng nhằm mục đích lấy nước tưới trong mùa khô cho nông nghiệp.

Các hồ chứa nước cùng với hệ thống sông, kênh đào đã tạo nên mạng lưới thủy văn dày đặc, nhất là vùng đồng bằng.



**Đọc thông tin và quan sát hình 4.2, em hãy:**

- Chỉ lưu vực nằm hệ thống sông ở Thanh Hoá.
- Chỉ lưu vực, phụ lưu chính, chi lưu chính và các nhánh sông chính của hệ thống sông Hoạt, sông Mã, sông Yên, sông Lạch Bạng.
- Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết hai phụ lưu của hệ thống sông Mã chảy hoàn toàn ở vùng đồi núi, cả vùng đồi núi và vùng đồng bằng.
- Chỉ ra các đập, hồ lớn: Cửa Đạt, Bến En, Yên Mỹ, Trung Sơn trên lược đồ.

### \* Tài nguyên nước ngầm

Trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá có những tầng giàu nước, chất lượng và trữ lượng nước ngầm tương đối tốt. Nước ngầm đã được khai thác quy mô nhỏ ở vùng đồng bằng phục vụ sản xuất và đời sống của nhiều hộ gia đình. Nguồn nước ngầm chưa được điều tra đầy đủ, tại một số địa điểm được khảo sát, trữ lượng nước ngầm tương đối như: thị xã Bỉm Sơn, thị xã Nghi Sơn.

Tỉnh Thanh Hoá đã phát hiện một số địa điểm có nước khoáng nhưng giá trị nhất là nước khoáng nóng ở Yên Vực (xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương). Điểm nước khoáng Yên Vực có diện tích gần 1 km<sup>2</sup> nằm trong tầng đá ong ở độ sâu 45 – 50 m kể từ mặt đất.



**Kể tên các suối nước khoáng ở tỉnh Thanh Hoá mà em biết.**

### **b) Giá trị kinh tế của tài nguyên nước**

Với diện tích lưu vực và lưu lượng nước tương đối lớn, dòng chảy có độ dốc cao, hệ thống sông, suối tỉnh Thanh Hoá cho tiềm năng thủy điện dồi dào, chủ yếu tập trung trên dòng chính là sông Mã và các phụ lưu: sông Chu, sông Luông, sông Lò, sông Âm, sông Khao,...

Sông có nhiều nước, cùng với hệ thống hồ đập, kênh đào cung cấp nước tưới cho hàng chục vạn ha đất nông nghiệp. Giá trị thủy lợi lớn nhất thuộc về sông Chu với hồ Cửa Đạt, đập Bái Thượng.

Nguồn nước sông, hồ cũng là nguồn nước chủ yếu cho các nhà máy nước sạch cung cấp cho đời sống và sản xuất công nghiệp.

Hàng năm hệ thống sông vận chuyển ra biển hàng tỉ m<sup>3</sup> nước, hàng triệu tấn phù sa cùng nhiều phù du sinh vật và các chất khoáng hoà tan, là nguồn dinh dưỡng lớn cho các loài thủy sản vùng ven biển và biển nông.

Nước ngầm chiếm tỉ lệ nhỏ so với nguồn nước mặt, nhưng là nguồn bổ sung quan trọng để phục vụ đời sống và sản xuất. Về mùa khô, việc sử dụng nước ngầm để cung cấp nước tưới đang ngày càng phát triển ở các vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn quả.

Hệ thống sông, kênh đào, hồ của Thanh Hoá còn có tiềm năng lớn cho giao thông thuỷ. Vùng hạ nguồn các con sông kết hợp với vùng biển ven bờ, kênh đào là mạng lưới đường thuỷ quan trọng vận chuyển nguyên liệu, hàng hoá. Các huyện đồng bằng phía nam của tỉnh như: Quảng Xương, Nông Cống, Tĩnh Gia, mạng lưới thuỷ văn hiện vẫn là một hệ thống giao thông thuỷ thuận lợi.

Sông, hồ, ao và ruộng trũng có tiềm năng lớn nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt. Các đầm, hồ, ruộng trũng ngập mặn ven biển có giá trị nuôi trồng thuỷ sản nước mặn.

Sông, suối, hồ, nước ngầm còn tạo nên những cảnh quan đẹp có giá trị du lịch: hồ Bến En, Yên Mỹ, Cửa Đạt, suối cá Cẩm Lương, nước nóng Quảng Yên và nhiều thác nước,...



Dựa vào kiến thức đã học, lược đồ và tìm hiểu thực tế em hãy cho biết:

- Tên các đập thuỷ điện lớn trên sông Mã;
- Các hồ chứa nước lớn trên sông Chu, sông Yên;
- Suối, nước ngầm có giá trị lớn về du lịch.



**Luyện tập**

1. Dựa vào cột tỉ lệ (bảng 4.1), em hãy vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện cơ cấu đất đai ở Thanh Hoá. Rút ra nhận xét từ biểu đồ đã vẽ.
2. Hãy tìm trên lược đồ hình 4.2 các cửa sông lớn, theo yêu cầu sau:

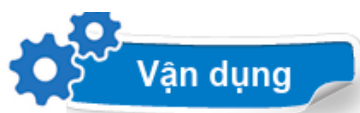
| TT | Hệ thống sông  | Các cửa sông | Huyện, thị |
|----|----------------|--------------|------------|
|    | Sông Hoạt      | ?            | ?          |
|    | Sông Mã        | ?            | ?          |
|    | Sông Yên       | ?            | ?          |
|    | Sông Lạch Bạng | ?            | ?          |

3. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cung cấp các thông tin còn thiếu trong bảng 4.2.

Bảng 4.2. Giá trị kinh tế các nhóm đất ở Thanh Hoá

| TT | Giá trị kinh tế với nông nghiệp                                                   | Nhóm đất có giá trị cao nhất | Phân bố |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------|
| 1  | Trồng cây hằng năm: lúa, ngô, rau, mía, lạc, cói, dứa,...                         | ?                            | ?       |
| 2  | Trồng cây lâu năm: cao su, cây ăn quả (vải, bưởi, ổi, cam), đồng cỏ chăn nuôi,... | ?                            | ?       |
| 3  | Nuôi trồng thuỷ sản (nước mặn, ngọt)                                              | ?                            | ?       |
| 4  | Trồng, chăm sóc bảo vệ rừng                                                       | ?                            | ?       |

4. Hệ thống sông Mã, sông Yên có những giá trị kinh tế gì giống nhau và khác nhau?



1. Nơi em sinh sống (xã, phường) có nhóm đất gì? Giá trị của loại đất đó với sản xuất nông nghiệp như thế nào?
2. Gia đình em đang dùng nguồn nước có nguồn gốc từ đâu để phục vụ ăn uống hằng ngày? Em phải làm gì để bảo vệ nguồn nước này?
3. Cung cấp các thông tin về hệ thống sông có cầu bắc qua ở Thanh Hoá:

| TT | Tên cầu trên quốc lộ 1 (theo chiều Bắc – Nam) | Huyện, thị | Hệ thống sông |
|----|-----------------------------------------------|------------|---------------|
| 1  | Cầu Tống Giang, Cầu Cừ                        | ?          | ?             |
| 2  | Cầu Lèn                                       | ?          | ?             |
| 3  | Cầu Nguyệt Viên                               | ?          | ?             |
| 4  | Cầu Ghép                                      | ?          | ?             |
| 5  | Cầu Hố                                        | ?          | ?             |

4. Em sẽ chọn sông, suối, hồ, đập nào để đi du lịch trong mùa hè tới? Vì sao?

MỤC TIÊU

- Giới thiệu và nêu được hoạt động của các làng nghề dệt thổ cẩm ở tỉnh Thanh Hoá hiện nay.
- Trình bày được di sản văn hoá thổ cẩm trong đời sống; các công đoạn dệt thổ cẩm (trồng bông, nhuộm chàm, dệt vải thổ cẩm,...).
- Tự hào, trân quý, có biện pháp thiết thực nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá của nghề dệt thổ cẩm; Tuyên truyền và quảng bá về nghề dệt thổ cẩm nhằm góp phần phát triển kinh tế cho địa phương.



Quan sát hình ảnh, xem video clip:

<https://www.youtube.com/watch?v=aZZGcuavF64>



Hình 5.1. Mô hình dệt thổ cẩm  
(xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc)



Hình 5.2. Sản phẩm thổ cẩm

Hãy cho biết vài nét về nghề dệt thổ cẩm ở tỉnh Thanh Hoá.



## 1 Tìm hiểu nghề dệt thổ cẩm ở tỉnh Thanh Hoá

Thổ cẩm là sản phẩm dệt thủ công truyền thống với hoa văn đa dạng, màu sắc rực rỡ, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc từ lâu đã xuất hiện trong đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số trong cả nước, trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số Thanh Hoá. Nghề dệt thổ cẩm thể hiện bản sắc văn hoá, nhất là thể hiện sự khéo léo, tinh tế, sáng tạo của người phụ nữ dân tộc Thái, dân tộc Mường xứ Thanh.

Xưa kia, trồng bông, nhuộm chàm, dệt vải thổ cẩm là công việc thường xuyên của phụ nữ các dân tộc thiểu số ở Thanh Hoá. Nghề dệt thổ cẩm truyền thống gắn với bản sắc văn hoá, trao truyền từ đời bà cho mẹ, mẹ truyền cho con gái. Theo phong tục của người Mường, người Thái, con gái về nhà chồng phải tự tay dệt từ 6 – 12 món đồ (váy áo, chăn đệm, khăn piêu, gối,...) làm của hồi môn cho nhà chồng. Việc tặng gia đình chồng của hồi môn vừa có ý nghĩa vừa để giới thiệu với nhà chồng sự khéo léo, đảm đang của cô dâu, vừa là cách để báo hiếu với gia đình chồng. Ngày cô dâu về nhà chồng, bộ đồ thổ cẩm được gia đình chồng nhận rất trân trọng, bày ở gian giữa nhà như một cách để gia đình nhà chồng đánh giá sự trưởng thành, khéo léo, kiên trì, nhẫn nại,... của cô dâu. Trong khi đó, phòng ngủ của vợ chồng, cô dâu vắt trên sào bộ váy áo đẹp nhất như một biểu tượng về sự cần cù, chịu khó, tỉ mỉ, tinh tế của người vợ. Ngày xưa, nhà nào có phụ nữ đều có khung dệt; mỗi cô con gái được gia đình dành cho một khung dệt riêng, nhà có đông con gái số khung dệt càng nhiều. Vì thế, hầu hết phụ nữ dân tộc Mường, dân tộc Thái ở xứ Thanh đều biết dệt thổ cẩm từ nhỏ.

 **Thổ cẩm là gì? Thổ cẩm có ý nghĩa như thế nào trong đời sống của người Mường, người Thái ở tỉnh Thanh Hoá?**

## 2 Quy trình dệt thổ cẩm

– Dụng cụ dệt thổ cẩm, gồm có: khung cửi, khung dệt, máy may,...



Hình 5.3. Khung cửi



Hình 5.4. Quay xa kéo sợi



Hình 5.5. Khung dệt



Hình 5.6. Máy may tạo sản phẩm

– Chuẩn bị nguyên liệu: trồng dâu nuôi tằm, bạt bông, se sợi, nhuộm màu vải, nhuộm màu chỉ, dệt vải,... Trước kia, để thổ cẩm có màu sắc tự nhiên, người dân tìm các nguyên liệu lấy từ củ, quả, lá cây, vỏ cây nhuộm thành sắc màu đa dạng cho màu vải, màu chỉ. Hiện nay, hầu như nguyên liệu đã được nhuộm trước màu cho vải, chỉ, nên dệt thổ cẩm đã được rút ngắn công đoạn.

– Các công đoạn dệt thổ cẩm, gồm: kéo sợi, đưa sợi vào khung vuông chạy quanh 8 – 10 ống chỉ để se sợi. Sợi được se xong đưa lên khung chừng 15 – 20 m, bỏ sợi vào khổ co, lên cuốn cố định từng sợi vào khung cửi, đánh hoạ tiết hoa văn theo yêu cầu rồi dệt xuyên suốt cả quá trình.

– Các hoạ tiết chủ yếu là: cây, hoa, con vật,... gắn bó với đời sống sinh hoạt hằng ngày của người dân.

– Khi dệt xong những tấm thổ cẩm, nghệ nhân kiểm tra lại kĩ lưỡng, bấm gọn những lỗi dư thừa và sau đó chỉnh sửa cho sản phẩm hoàn chỉnh.



Hình 5.7. Nuôi tằm



Hình 5.8. Se sợi



Hình 5.9. Kéo sợi



Hình 5.10. Dệt thổ cẩm



Hình 5.11. Tạo hoa văn



Hình 5.12. Chỉnh sửa và hoàn thiện sản phẩm

 Hãy cho biết quy trình để tạo ra một sản phẩm dệt thổ cẩm của dân tộc Mường, Thái ở Thanh Hoá? Theo em công đoạn nào khó nhất? Vì sao?

### 3 Một số sản phẩm dệt thổ cẩm ở Thanh Hoá

Sản phẩm thổ cẩm truyền thống gồm trang phục, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, như: váy áo, chăn mền, mặt gối, đệm, mặt chăn, cặp váy,... Ngày nay, theo nhu cầu của thị trường, nghề dệt thổ cẩm phát triển theo nhiều hướng, sản phẩm đa dạng, mẫu mã phong phú, có tính ứng dụng cao như: túi xách, túi chống sốc máy tính, bao điện thoại, khăn choàng, mặt gối, vỏ chăn, mặt đệm,...

Sản phẩm dệt thổ cẩm của nhiều cơ sở như: Bảo Hằng, Chiềng Khặt (xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh),... đã được tham gia trưng bày, giới thiệu tại nhiều hội chợ, triển lãm và từ đó người dân, du khách trong và ngoài tỉnh có điều kiện biết đến những sản phẩm độc đáo này.



Hình 5.13. Sản phẩm dệt thổ cẩm

**?** Các sản phẩm thổ cẩm hiện nay có gì khác so với các sản phẩm truyền thống?  
Kể tên một số cơ sở sản xuất thổ cẩm ở Thanh Hoá mà em biết.

### 4 Bảo tồn và phát huy nghề dệt thổ cẩm ở xứ Thanh

#### a) Thực trạng

Nghề dệt thổ cẩm truyền thống mang đậm bản sắc văn hoá và là niềm tự hào của người dân xứ Thanh. Với đôi bàn tay tài hoa, óc sáng tạo, sự cần mẫn, khéo léo, tinh tế,... người phụ nữ dân tộc Mường, dân tộc Thái đã dệt nên những tấm thổ cẩm sắc màu sắc sỡ, hoa văn độc đáo, mang đậm bản sắc văn hoá của dân tộc.

Tuy nhiên, theo dòng chảy thời gian, nghề dệt thổ cẩm đứng trước nguy cơ dần bị mai một. Khung cửi lần lượt bị dỡ bỏ. Số làng dệt thổ cẩm càng thưa vắng dần trong cuộc sống. Chỉ còn một số ít người biết nghề dệt và số nghệ nhân dệt chủ yếu ở độ tuổi trung niên, cao tuổi. Với mong muốn bảo tồn, gìn giữ sản phẩm thổ cẩm truyền thống, hiện chỉ còn một số làng dệt thổ cẩm duy trì. Nghề dệt thổ cẩm hiện nay đang đối mặt với nhiều khó khăn, thiếu tính bền vững...

### **b) Nguyên nhân**

Do biến đổi trong các nguyên liệu dệt, cơ cấu sản phẩm dệt so với truyền thống. Trước đây, nguồn nguyên liệu dệt thổ cẩm chính là bông. Nhưng hiện nay, thực hiện chính sách giao đất giao rừng của Nhà nước, đồng bào đã cam kết không phát nương, làm rẫy, trồng bông trên địa phận rừng được quản lí, vì thế, bông không được trồng và hệ quả tất yếu là không còn nguồn nguyên liệu tự nhiên.

Thêm nữa, xã hội phát triển, sản phẩm may mặc công nghiệp ngày càng phong phú, việc trao đổi mua bán diễn ra dễ dàng. Sợi bông tự nhiên đã được thay thế bằng sợi vải công nghiệp. Màu nhuộm sợi truyền thống đủ màu sắc được thay bằng thuốc nhuộm công nghiệp với giá cả hợp lí, dễ dệt hơn, không tốn nhiều thời gian, công sức,... Cuộc sống hiện đại đã khiến nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thổ cẩm ít đi. Người dân không còn mặn mà với trang phục thổ cẩm. Trang phục truyền thống trong cộng đồng dân tộc Mường, dân tộc Thái có xu hướng giảm dần. Hiện nay, nam giới, thanh thiếu niên và trẻ em không sử dụng trang phục truyền thống, hoặc nhiều người không biết mặc đúng trang phục của dân tộc mình. Người cao tuổi, trung niên ít mặc trang phục trong ngày thường, chỉ mặc trong dịp lễ tết, cưới xin, sự kiện trọng đại. Số người biết nghề dệt, may trang phục truyền thống còn rất ít. Hoạt động trao truyền, giới thiệu trang phục truyền thống của các dân tộc Mường, Thái ít được tổ chức trong cộng đồng.

### **c) Giải pháp**

*\* Cơ chế chính sách của chính quyền địa phương*

Đứng trước thực trạng đó, Đảng, Nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã quan tâm, ban hành nhiều chính sách để giữ gìn nghề, làng nghề truyền thống của

đồng bào dân tộc thiểu số, nhờ đó nhiều nghề, làng nghề được phục hồi và phát triển, góp phần làm thay đổi diện mạo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi xứ Thanh. Chính quyền địa phương và ngành Văn hoá đã nỗ lực tìm nhiều giải pháp nhằm khôi phục, phát triển nghề dệt thổ cẩm ở một số địa phương trong tỉnh.

Ngày 10 – 11 – 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 4620/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề truyền thống vùng dân tộc thiểu số tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2016 – 2020”, trong đó có bảo tồn nghề dệt thổ cẩm ở các huyện: Mường Lát, Quan Hoá, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh, Như Xuân, Thường Xuân, Cẩm Thủy. Hỗ trợ 7 làng nghề dệt thổ cẩm: làng nghề dệt thổ cẩm bản Chai, bản Cang (xã Mường Chanh, huyện Mường Lát); làng nghề dệt thổ cẩm bản Sáng, bản Púng (xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát); làng nghề dệt thổ cẩm bản Ban (xã Hồi Xuân, huyện Quan Hoá); làng nghề dệt thổ cẩm thôn Lặn Ngoài (xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước); làng nghề dệt thổ cẩm thôn Muốt (xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy).

Ngày 7 – 6 – 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã ban hành Kế hoạch 130/KH-UBND triển khai thực hiện đề án *Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn hiện nay* trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2019 – 2030.

Tỉnh Thanh Hoá chú trọng xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý; đăng ký thương hiệu, quảng bá sản phẩm và tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho 27 làng nghề truyền thống...

Tỉnh triển khai thực hiện *Kế hoạch bảo tồn di sản văn hoá giai đoạn 2020 – 2025*, trong đó có khôi phục và phát triển nghề dệt may, thêu truyền thống của các dân tộc thiểu số huyện: Ngọc Lặc, Thạch Thành, Cẩm Thủy, Bá Thước,...

Tỉnh đã thành lập Hội đồng xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; hằng năm xây dựng hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề và nghề truyền thống. Năm 2022 đã xét cho 18 nghề và làng nghề (5 nghề truyền thống, 7 làng nghề, 6 làng nghề truyền thống), trong đó có nghề dệt thổ cẩm bản Na Chùa (xã Mường Chanh, huyện Mường Lát).

Ngành Văn hoá, Hội Phụ nữ tỉnh đã phối hợp chỉ đạo tổ chức các lớp dạy nghề dệt thổ cẩm cho bà con.

Tỉnh Thanh Hoá thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đề cao vai trò, vị trí quan trọng của việc phát triển nghề, làng nghề góp phần xoá đói giảm nghèo. Việc phát triển nghề dệt thổ cẩm đã và đang góp phần giữ gìn nghề, làng nghề truyền thống, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng quan tâm tạo vùng nguyên liệu, nghiên cứu nhu cầu thị trường, đảm bảo đầu ra cho sản phẩm; Có các chính sách về vốn để người dân được tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi, tiếp tục đầu tư sản xuất; quan tâm đúng mức và kịp thời quảng bá sản phẩm cho các làng nghề.

Tỉnh cũng chủ trương coi nghề dệt thổ cẩm là một sản phẩm du lịch. Xây dựng các làng nghề thổ cẩm thành các điểm đến tham quan cho khách du lịch. Chủ trương gắn nghề dệt thổ cẩm với phát triển du lịch đã được khôi phục, hình thành ở một số làng nghề, tổ hợp dệt thổ cẩm quy mô lớn. Tiêu biểu là làng nghề dệt thổ cẩm ở bản Năng Cát (xã Trí Nang, huyện Lang Chánh) gắn với du lịch sinh thái thác Ma Hao; làng nghề dệt thổ cẩm bản Thanh Xuân (thôn Thác Mạ, xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân) gắn với du lịch hồ Cửa Đạt; làng nghề dệt thổ cẩm (xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước) gắn với du lịch sinh thái thác Hiêu,...

*\* Về phía làng nghề*

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và chính quyền, xây dựng các làng nghề thổ cẩm theo định hướng bảo tồn và phát huy giá trị di sản; mở rộng cơ sở, xây dựng tổ hợp làng nghề có quy mô, thu hút nguồn nhân lực phát triển bền vững; tạo sản phẩm văn hoá, gắn với du lịch;...

Người làm nghề cần tăng cường học hỏi, giao lưu với các làng nghề dệt thổ cẩm trong và ngoài tỉnh; tiếp cận những tiến bộ mới trong kỹ thuật và những tiềm năng công nghệ mới; tăng cường kiến thức về sản xuất.

Chú trọng xây dựng đội ngũ nghệ nhân có trình độ, tay nghề cao vừa đảm bảo duy trì nghề truyền thống, vừa truyền nghề cho thế hệ trẻ.

Chú trọng đa dạng mẫu mã, tính thẩm mỹ, chất lượng sản phẩm, tạo ra các thương hiệu riêng,... đáp ứng được nhu cầu của thị trường, người tiêu dùng.

Đẩy mạnh việc tuyên truyền thường xuyên, liên tục về ý nghĩa, tính biểu trưng của trang phục truyền thống làm cho đồng bào các dân tộc thiểu số hiểu, tự hào và trân trọng những giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc mình.

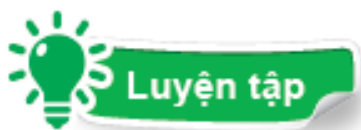


Hình 5.14. Người cao tuổi đang truyền nghề dệt thổ cẩm truyền thống cho lớp trẻ



Hình 5.15. Lớp dạy nghề dệt thổ cẩm do Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Như Thanh tổ chức

**❓ Vì sao phải phát huy và bảo tồn nghề dệt thổ cẩm? Tỉnh Thanh Hoá đã có những biện pháp gì để bảo tồn và phát triển nghề dệt thổ cẩm hiện nay.**



1. Thảo luận để hoàn thiện bảng sau về nghề dệt thổ cẩm ở tỉnh Thanh Hoá:

|                              |   |
|------------------------------|---|
| a. Nguyên liệu dệt thổ cẩm   | ? |
| b. Công cụ dệt thổ cẩm       | ? |
| c. Các công đoạn dệt thổ cẩm | ? |
| d. Một số sản phẩm chính     | ? |

2. Hãy cho biết thứ tự đúng của các công đoạn dệt thổ cẩm:

- Bật bông, kéo sợi, se sợi
- Đưa lên khung
- Bỏ sợi vào khổ co
- Lên cuốn cố định từng sợi vào khung cửi
- Đánh hoa văn theo yêu cầu

e. Tiến hành dệt

f. Nhuộm màu

g. Kiểm tra lại sản phẩm

h. May, khâu hoàn thành sản phẩm.

3. Lựa chọn những giải pháp góp phần bảo tồn và phát huy nghề dệt thổ cẩm xứ Thanh? Giải thích vì sao?

a. Cơ chế chính sách của chính quyền địa phương.

b. Ý thức bảo tồn, phát huy giá trị nghề dệt thổ cẩm của chủ nhân các làng nghề dệt thổ cẩm truyền thống.

c. Xây dựng các làng nghề thổ cẩm thành các điểm đến tham quan cho khách du lịch.

d. Tập trung phát triển nghề dệt thổ cẩm gắn với bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống và gắn với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

đ. Giữ gìn nguyên dạng các sản phẩm thổ cẩm truyền thống của địa phương. Tránh đưa các thiết kế theo mẫu mã hiện đại, cách điệu vào dệt làm mất giá trị thổ cẩm truyền thống.

e. Có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng vai trò đào tạo, chuyển giao kinh nghiệm, tri thức từ những nghệ nhân cao tuổi có tay nghề cao cho các thế hệ trẻ.

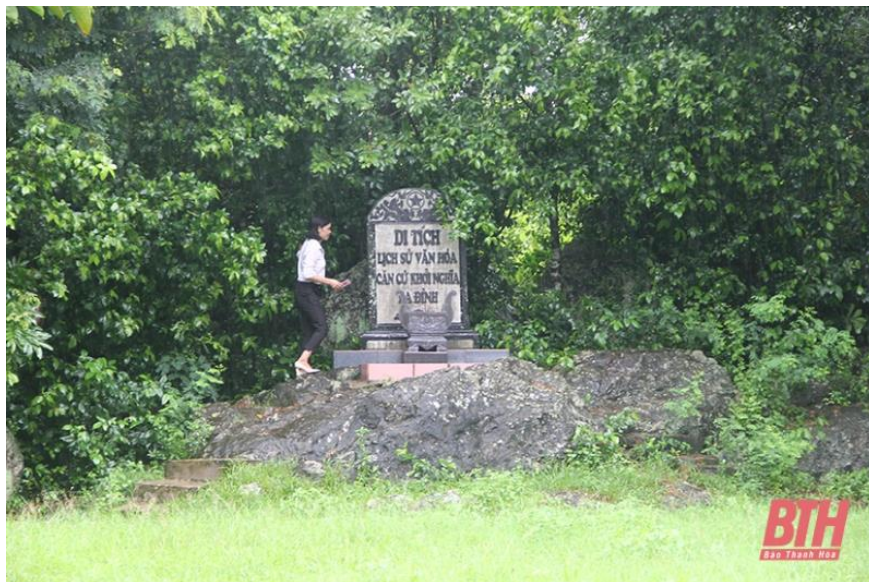


1. Chia sẻ với người thân, bạn bè những hiểu biết của em về dệt thổ cẩm ở Thanh Hoá.

2. Tham quan một cơ sở dệt thổ cẩm ở địa phương (nếu có điều kiện).

## MỤC TIÊU

- Nêu được một số thay đổi về chính trị, kinh tế, xã hội của Thanh Hoá trong thời kháng chiến chống Pháp.
- Trình bày được sự thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá và phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- Biết quý trọng giá trị của độc lập, tự do; tự hào về truyền thống chống ngoại xâm của quê hương.



Hình 6.1. Di tích lịch sử và văn hoá căn cứ khởi nghĩa Ba Đình  
(huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá)

Hình ảnh trên gợi mở về thời kì nào trong lịch sử dân tộc nói chung và lịch sử Thanh Hoá nói riêng?



## **I Một số thay đổi về chính trị, kinh tế, xã hội của Thanh Hoá trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp**

### **a) Chính trị**

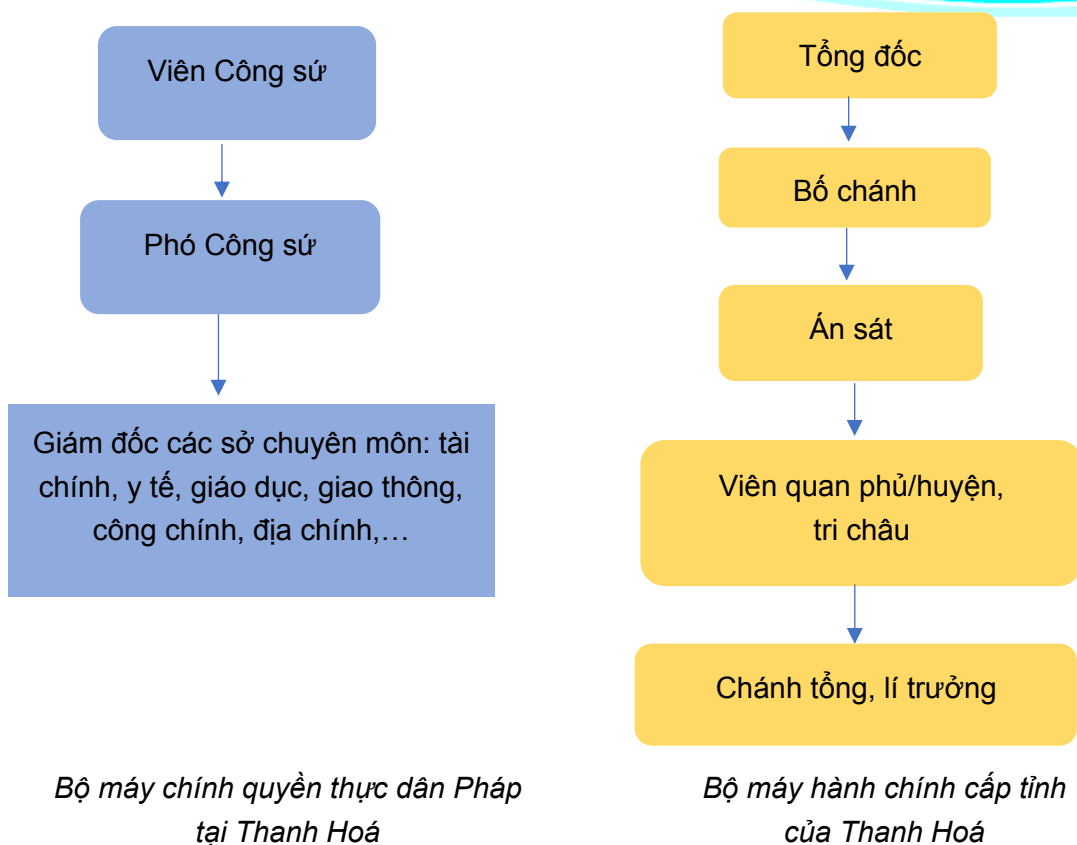
Theo Hiệp ước năm 1883 và 1884 triều đình nhà Nguyễn kí với thực dân Pháp, nước ta bị chia làm 3 kì: Nam Kì là đất thuộc địa của Pháp, chịu sự điều hành trực tiếp của bộ máy cai trị và luật pháp chính quốc; Bắc Kì và Trung Kì là đất bảo hộ của Pháp, vẫn duy trì bộ máy triều đình Huế dưới sự kiểm soát của thực dân Pháp. Trong bối cảnh đó, Thanh Hoá, vốn được coi là vùng “đất quý hương” (nơi phát tích vương triều Nguyễn, chúa Trịnh, vua Lê), trở thành một trong 12 đơn vị hành chính cấp tỉnh của Trung Kì, nằm dưới chế độ “bảo hộ” của thực dân Pháp, đồng thời chịu sự cai trị trực tiếp của triều đình Nguyễn.



**Em hãy cho biết sự thay đổi về vị trí hành chính và lịch sử của Thanh Hoá kể từ sau Hiệp ước 1883 và Hiệp ước 1884.**

Đầu thế kỉ XX, Thanh Hoá có 5 phủ, 9 huyện, 5 châu, 1 tổng, với tổng số 1.983 làng. Đến năm 1930, Thanh Hoá có 7 phủ là: Hà Trung, Hoằng Hoá, Thọ Xuân, Thiệu Hoá, Đông Sơn, Tĩnh Gia, Nông Cống; có 7 huyện là: Nga Sơn, Hậu Lộc, Vĩnh Lộc, Thạch Thành, Cẩm Thủy, Yên Định, Quảng Xương; có 6 châu là: Quan Hoá, Thường Xuân, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Như Xuân, Tân Hoá. Tỉnh lỵ của Thanh Hoá thời thuộc Pháp đóng tại Hạc Thành, năm 1889 được triều Nguyễn lập ra thị xã Thanh Hoá, tới năm 1929 được thực dân Pháp nâng cấp lên Thành phố Thanh Hoá.

Mặc dù tỉnh Thanh Hoá thuộc quản lí của triều đình Huế, nhưng vẫn bị lệ thuộc bởi sự hiện diện của dinh Công sứ Pháp đóng ở bên ngoài Hạc Thành.



Sự hiện diện của bộ máy chính quyền thực dân do viên Công sứ Pháp đóng ngay ở sát bộ máy hành chính cấp tỉnh của Thanh Hoá phản ánh điều gì?

### b) Kinh tế

**Nông nghiệp:** Thanh Hoá là một tỉnh giàu tiềm năng phát triển nông nghiệp, nên thực dân Pháp ra sức khai thác, vơ vét tài nguyên đưa về chính quốc. Với tổng diện tích khoảng 302.752 mẫu (tương đương 150.468 ha), gồm đất rừng, núi, trung du, đồng bằng, vùng ven biển, có hệ thống sông Mã, sông Chu, với nhiều yếu tố thuận lợi về thổ nhưỡng, khí hậu và nguồn tài nguyên đa dạng, phong phú, Thanh Hoá tiếp tục là một địa phương có thế mạnh nhất về kinh tế nông nghiệp ở Trung Kỳ dưới thời Pháp thuộc.

**Công nghiệp:** Do Thanh Hoá có tới 2/3 diện tích rừng núi, có nguồn tài nguyên lâm thổ sản lớn, đa dạng, phong phú, nên thực dân Pháp rất chú trọng áp đặt bộ máy quản lí nhằm kiểm soát và chiếm đoạt. Thực dân Pháp đẩy mạnh hoạt động khai thác gỗ, một số loại gỗ quý hiếm như lim, táu, sến, dẻ,... trở thành nguồn lợi hàng hoá nội địa và xuất khẩu. Hàm Rồng là nơi sớm hình thành khu công nghiệp sơ khai ở Thanh

Hoá có một trong 3 nhà máy diêm lớn nhất Đông Dương. Việc thăm dò, khai thác quặng ở Thanh Hoá tuy có được thực dân Pháp tiến hành, song do ít vốn và thiếu phương tiện vận tải, nên không phát triển mạnh. Đầu thế kỉ XX, thực dân Pháp bắt đầu cho xây dựng thị xã Thanh Hoá thành một trung tâm tỉnh lỵ, với một số công trình cơ sở hạ tầng, xây dựng các trụ sở cho bộ máy cai trị. Năm 1927, một nhà máy nhiệt điện do một chủ người Việt xây dựng tại Hàm Rồng có công suất 310KW/giờ. Năm 1930, thực dân Pháp xây dựng nhà máy nước và hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn thị xã Thanh Hoá.

**Thủ công nghiệp:** Dưới chính sách cai trị của thực dân Pháp, nhiều ngành nghề truyền thống bị hạn chế, chèn ép, không cạnh tranh được với các mặt hàng cùng loại từ chính quốc. Nghề chần tằm, trồng bông, dệt lụa nổi tiếng trong dân gian như Mĩ Đô (huyện Thiệu Hoá), Phú Khê (huyện Hoàng Hoá), không còn phát đạt như trước thời Pháp thuộc. Một số ngành nghề khác như mộc, đan lát, rèn, đúc, gốm, gạch, ngói, chế biến hải sản vẫn được duy trì, song không được phát triển.



**Vì sao thủ công nghiệp của Thanh Hoá thời Pháp thuộc không phát triển mạnh?**

**Thương mại:** Mạng lưới chợ làng tự phát hoặc chợ liên xã chỉ là những điểm trao đổi hàng hoá nhỏ lẻ, buôn bán sản phẩm nông nghiệp, hàng tiêu dùng. Mặt hàng trao đổi trong hoạt động thương mại chủ yếu là sản phẩm nông sản, lâm thổ sản, hải sản, sản phẩm thủ công truyền thống. Thị xã Thanh Hoá ra đời và phát triển thành trung tâm thương mại của tỉnh.



**Vì sao thương mại của Thanh Hoá thời thuộc Pháp vẫn kém phát triển?**

**Giao thông:** Ngay từ đầu thế kỉ XX, thực dân Pháp đã cho mở rộng, uốn nắn con đường xuyên tỉnh (quốc lộ 1A ngày nay), đồng thời xây dựng các tuyến đường liên huyện, nối từ tỉnh lỵ Thanh Hoá đi tới các huyện. Đến năm 1929, Thanh Hoá đã có hơn 800 km đường bộ (trong đó có 275 km rải đá). Năm 1905, đường sắt đã được thông tuyến với chiều dài 105 km, với 10 ga ở Thanh Hoá. Bên cạnh đó, các tuyến đường thuỷ, đường sông tiếp tục được củng cố, duy trì phục vụ vận tải nội địa.



**Mạng lưới giao thông ở Thanh Hoá thời Pháp thuộc có gì mới? Mục đích của thực dân Pháp khi mở mang hệ thống giao thông là gì?**

### c) Xã hội

**Giáo dục:** Trong phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX và phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX, đa số các văn thân, sĩ phu xuất thân khoa bảng ở Thanh Hoá có vai trò quan trọng, là nòng cốt lãnh đạo, mặt khác xứ Thanh còn là nơi giàu truyền thống khoa bảng, do đó thực dân Pháp có âm mưu xoá bỏ nền giáo dục khoa cử Nho học, thay vào đó là nền giáo dục thực dân. Trước hết, thực dân Pháp đưa chữ quốc ngữ và một phần sơ đẳng chữ Pháp vào các trường của tỉnh, phủ, huyện. Hệ thống giáo dục khoa cử vẫn tiếp tục được duy trì cho tới năm 1918. Thực dân Pháp thành lập trường Huấn đạo, Giáo thụ, yêu cầu học sinh phải qua thi tuyển bằng chữ quốc ngữ, còn chữ Nho và chữ Pháp thì không bắt buộc. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, từ năm 1918, nền giáo dục Nho học chấm dứt, thay vào đó là nền giáo dục Pháp – Việt, chương trình do toàn quyền Đông Dương ban hành năm 1917.



#### Giáo dục Thanh Hoá thời Pháp thuộc thay đổi như thế nào?

**\* Y tế:** Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, Thanh Hoá chỉ có 1 bệnh viện ở tỉnh lỵ. Đến năm 1927, mạng lưới y tế ở Thanh Hoá được mở rộng, với các trạm y tế ở một số ít huyện lỵ. Với số cơ sở y tế ít ỏi, việc chăm sóc sức khỏe cho người dân nghèo không bảo đảm, chỉ phục vụ số ít người giàu. Các loại dịch bệnh, đậu mùa, sốt rét, dịch tả hoành hành, cướp đi nhiều sinh mạng người dân nghèo khó.

**\* Văn hoá:** Giai cấp phong kiến không còn thực quyền, bế tắc trong đường hướng phát triển và thoát khỏi bóng thực dân. Tầng lớp địa chủ ở Thanh Hoá một mặt ra sức bóc lột người dân, mặt khác quy phục triều đình và thực dân. Tệ nạn mê tín, dị đoan, chính sách ngu dân, sự du nhập các giá trị văn hoá thực dân từ phương Tây đã tấn công vào những giá trị văn hoá truyền thống. Tín ngưỡng tôn thờ các bậc anh hùng dân tộc, người có công với việc đánh ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập, tự chủ được phát triển. Các hoạt động văn hoá dân gian, gắn với sinh hoạt cộng đồng, làng xã vẫn được duy trì.



Em hãy nêu một số nét thay đổi về văn hoá – xã hội ở Thanh Hoá thời Pháp thuộc.

## Tinh thần anh dũng chiến đấu chống thực dân Pháp của nhân dân Thanh Hoá

Sau khi cuộc phản công kinh thành Huế thất bại (5 – 7 – 1885), Tôn Thất Thuyết buộc phải đưa vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị. Tháng 11 – 1885, quân Pháp đi theo đường biển, tiến vào cửa Hới, kéo lên Hàm Rồng, đánh chiếm thành Thanh Hoá. Thanh Hoá trở thành một trong những địa bàn tiêu biểu cho phong trào Cần vương. Hầu khắp các nơi từ đồng bằng, ven biển cho tới miền núi Thanh Hoá đều có căn cứ và hoạt động sâu rộng của nghĩa quân chống Pháp. Trong đó, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Ba Đình, tiếp đó là cuộc chiến đấu ở Mã Cao, Hùng Lĩnh, cùng với tên tuổi của Phạm Bành, Hoàng Bật Đạt, Đinh Công Tráng, Nguyễn Khế, Cầm Bá Thước, Hà Văn Mao,... đã trở thành niềm tự hào, khích lệ tinh thần kháng Pháp khắp mọi miền đất nước.



Em hãy cho biết vai trò của Thanh Hoá trong phong trào kháng chiến chống Pháp từ sau Hiệp ước 1884.

## Phong trào đấu tranh cách mạng của Thanh Hoá kể từ khi có Đảng lãnh đạo (1930 – 1945)

### a) Thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá

Năm 1925, tại Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*. Trong số những thành viên ưu tú tham gia tổ chức này, có Lê Hữu Lập (người xã Y Bích, huyện Hậu Lộc). Sau một thời gian được học tập và rèn luyện trong khoá huấn luyện lí luận cách mạng do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp giảng dạy, Lê Hữu Lập được đưa về nước, được phân công trực tiếp gây dựng phong trào trên quê hương Thanh Hoá.

Tháng 5 – 1926, *Hội đọc sách báo cách mạng* ra đời tại thị xã Thanh Hoá, sau đó phát triển, lan rộng ra nhiều địa phương khác. Thông qua tổ chức này, Lê Hữu Lập đã tuyên truyền, vận động yêu nước, phát hiện và lựa chọn những “hạt giống đỏ”, tổ chức cho họ sang Trung Quốc tham gia huấn luyện cách mạng. Tháng 4 – 1927, dưới sự chủ trì của Lê Hữu Lập, tại ngôi nhà số 26 phố Hàng Than (thị xã Thanh Hoá) diễn ra hội nghị thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* tại Thanh Hoá, với nội dung đề ra nhiệm vụ, hoạt động của Hội là đẩy mạnh tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lê-nin

trong quần chúng, đồng thời bầu ra Ban chấp hành tỉnh hội lâm thời do Lê Hữu lập làm Bí thư. Từ sau hội nghị nêu trên, hàng loạt cơ sở của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* ra đời tại các huyện Thọ Xuân, Đông Sơn.

Cùng với sự ra đời của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, tháng 7 – 1926, tại huyện Thiệu Hoá, tổ chức *Tân việt Cách mạng đảng* tỉnh Thanh Hoá đã được thành lập, đến năm 1927 đã có thêm nhiều cơ sở. *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* và *Tân Việt Cách mạng đảng* tuy là hai tổ chức chính trị khác nhau, nhưng đều có xu hướng và mục tiêu chính trị giống nhau, nên có mối quan hệ gắn kết, nhận được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng yêu nước, nhất là tầng lớp học sinh, thanh niên, trí thức, tiểu tư sản. Đây là tiền đề tiến tới thành lập một tổ chức cộng sản Việt Nam trên đất Thanh Hoá.

Sau khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, Xứ uỷ Bắc Kỳ đã chỉ đạo việc thành lập tổ chức cộng sản ở Thanh Hoá. Ngày 25 – 6 – 1930, đồng chí Lê Doãn Chắp (xứ uỷ viên Bắc Kỳ) trực tiếp chỉ đạo hội nghị thành lập chi bộ Hàm Hạ – chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở huyện Đông Sơn. Tháng 7 – 1930, có thêm 2 tổ chức cộng sản ra đời tại Thiệu Hoá và Thọ Xuân. Như vậy, cuối tháng 7 – 1930, Thanh Hoá đã có 3 tổ chức cộng sản. Trên cơ sở đó, ngày 29 – 7 – 1930, tại làng Yên Trường, huyện Thọ Xuân, dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Doãn Chắp, hội nghị đại biểu của 3 chi bộ cộng sản ở Thanh Hoá đã diễn ra và thành công tốt đẹp. Hội nghị đã thống nhất cao đồng ý thống nhất 3 tổ chức cơ sở đảng thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Thanh Hoá.



Vì sao sự kiện ngày 29 – 7 – 1930 “đánh dấu bước ngoặt của phong trào cộng sản” tỉnh Thanh Hoá?

### ***b) Phong trào cách mạng ở Thanh Hoá dưới sự lãnh đạo của Đảng***

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929 – 1933 và chính sách cai trị của thực dân Pháp khiến đời sống người nông dân Thanh Hoá ngày càng khốn cùng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá, nhiều tổ chức cơ sở đảng ra đời, nhiều tổ chức quần chúng như Nông hội đỏ, Công hội đỏ đều có đảng viên làm nòng cốt, đã hoạt động tích cực, truyền đơn tuyên truyền của Đảng được rải khắp nơi, nhất là ở các đồn điền, công xưởng, cuốn hút được đông đảo lực lượng yêu nước. Khi bùng nổ cao trào

cách mạng 1930 – 1931, nông dân, công nhân Thanh Hoá đã thể hiện tinh thần anh dũng, hoà cùng phong trào đấu tranh cách mạng trong toàn quốc.

Trong phong trào dân chủ những năm 1936 – 1939, Thanh Hoá tiếp tục là một trong những địa phương có nhiều hình thức đấu tranh đa dạng, phong phú, kết hợp công khai và bán công khai. Nhờ đó mà lực lượng cách mạng của Đảng ngày càng được mở rộng, chuẩn bị lực lượng bước sang thời kì vận động tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.



1. Thảo luận nhóm và cho biết tinh thần kháng chiến chống Pháp của Thanh Hoá từ năm 1885 đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.
2. Nêu một số sự kiện, nhân vật tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống Pháp tại Thanh Hoá.
3. Nêu ý nghĩa lịch sử của phong trào yêu nước, đấu tranh cách mạng ở Thanh Hoá từ năm 1885 đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.



1. Tham quan bảo tàng Thanh Hoá, hoặc sưu tầm thông tin trên sách, báo, tổng hợp một số thông tin theo gợi ý sau:
  - Bộ máy cai trị của thực dân, phong kiến ở Thanh Hoá từ năm 1885;
  - Một số chuyển biến về kinh tế của Thanh Hoá từ năm 1885;
  - Một số chuyển biến về xã hội của Thanh Hoá từ năm 1885;
  - Một số sự kiện tiêu biểu ở Thanh Hoá từ năm 1885;
  - Một số nhân vật lịch sử tiêu biểu ở Thanh Hoá từ năm 1885.
2. Giới thiệu một hoạt động phù hợp, thể hiện đạo lí uống nước nhớ nguồn đối với những nhân vật lịch sử tiêu biểu cho tinh thần chống thực dân Pháp của nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

## MỤC TIÊU

- Trình bày được những đặc điểm chính về cơ cấu dân số Thanh Hoá theo độ tuổi, giới tính, thành thị và nông thôn.
- Phân tích được biểu đồ tháp dân số, các bảng số liệu về dân số Thanh Hoá.
- Vận dụng được kiến thức về cơ cấu dân số Thanh Hoá liên hệ thực tiễn cơ cấu dân số địa phương (xã, bản, phường mà học sinh sinh sống), đánh giá được tác động chính của cơ cấu dân số tới hoạt động kinh tế, xã hội.



Từ năm 2007, với tỉ số phụ thuộc dưới 50% (dân số trong độ tuổi lao động (15 – 64 tuổi) gấp hai lần dân số phụ thuộc (dưới 15 tuổi và trên 65 tuổi)), Việt Nam chính thức bước vào thời kì dân số vàng. Thanh Hoá là một tỉnh đông dân, diện tích lớn. Theo em, cơ cấu dân số theo độ tuổi, giới tính, thành thị và nông thôn có những đặc điểm gì nổi bật?



### 1 Cơ cấu dân số theo độ tuổi

#### a) Số dân và tỉ lệ gia tăng

Thanh Hoá là tỉnh có số dân đông thứ ba cả nước và là tỉnh đông dân nhất vùng Trung Bộ. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên năm 2019 của tỉnh là 1%. Tuy nhiên, tỉ lệ tăng dân số thấp (0,4%) do tỉ lệ di cư hàng năm tương đối lớn. Trung bình mỗi năm cứ 10.000 dân trên 5 tuổi thì có 374 người di cư (năm 2019).

*Bảng 7.1. Số dân và tỉ lệ gia tăng dân số  
của cả nước và 4 tỉnh, thành phố đông dân nhất*

| TT | Tỉnh,<br>thành phố | Số dân<br>01/4/2019 | Tỉ lệ gia tăng tự<br>nhiên năm 2019 (%) | Tỉ lệ tăng dân số năm<br>2019 (%) |
|----|--------------------|---------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Cả nước            | 96.208.984          | 1,0                                     | 1,15                              |
| 2  | TP. Hồ Chí Minh    | 8.993.082           | 1,0                                     | 2,21                              |
| 3  | Hà Nội             | 8.053.663           | 1,3                                     | 2,27                              |
| 4  | Thanh Hoá          | 3.640.128           | 1,0                                     | 0,4                               |
| 5  | Nghệ An            | 3.327.791           | 1,4                                     | 1,39                              |

(Nguồn: Tổng cục thống kê)



Quan sát Bảng 7.1, em hãy so sánh số dân và tỉ lệ tăng dân số của Thanh Hoá so với cả nước và các địa phương đông dân.

– Dựa vào Bảng 7.1, em hãy tính số người tăng thêm ở Thanh Hoá vào năm 2020 theo tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên và tỉ lệ tăng dân số. Vì sao tỉ lệ tăng dân số ở Thanh Hoá không cao?

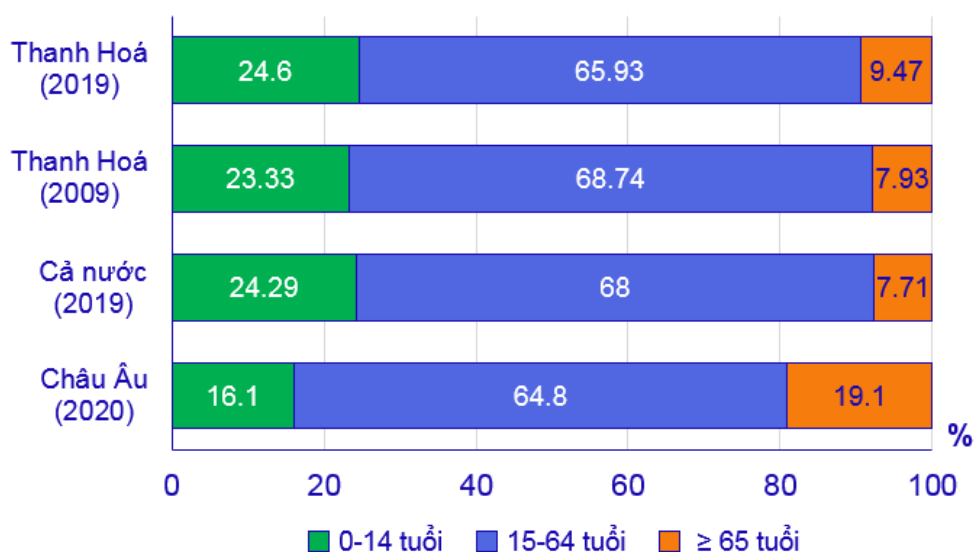
– Em hãy cho biết những ưu điểm, nhược điểm của số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của Thanh Hoá đối với hoạt động kinh tế, xã hội.

### **b) Cơ cấu dân số vàng**

Cơ cấu dân số vàng ở Thanh Hoá thể hiện ở tỉ lệ người trong độ tuổi lao động (từ 15 – 64 tuổi) trên 65%, tỉ lệ trẻ em (từ 0 – 14 tuổi) trên 24%, tỉ lệ người trên 65 tuổi dưới 10%.

– Từ năm 2009, các chỉ số về tỉ lệ các nhóm tuổi của Thanh Hoá tương đương với cả nước năm 2019.

– Đến năm 2019, tỉ lệ người trong độ tuổi lao động của Thanh Hoá giảm, tỉ lệ người trên 65 tuổi tăng, tỉ số phụ thuộc cũng tăng, năm 2009 là 45,5%, năm 2019 là 51,7%.



Hình 7.1. Biểu đồ cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở Thanh Hoá, cả nước và châu Âu



– Quan sát Hình 7.1, em hãy so sánh cơ cấu dân số theo nhóm tuổi:

+ Thanh Hoá với cả nước.

+ Thanh Hoá với châu Âu.

– Em hãy tính tỉ số phụ thuộc của Thanh Hoá, cả nước, châu Âu và so sánh:

+ Tỉ số phụ thuộc của Thanh Hoá và cả nước.

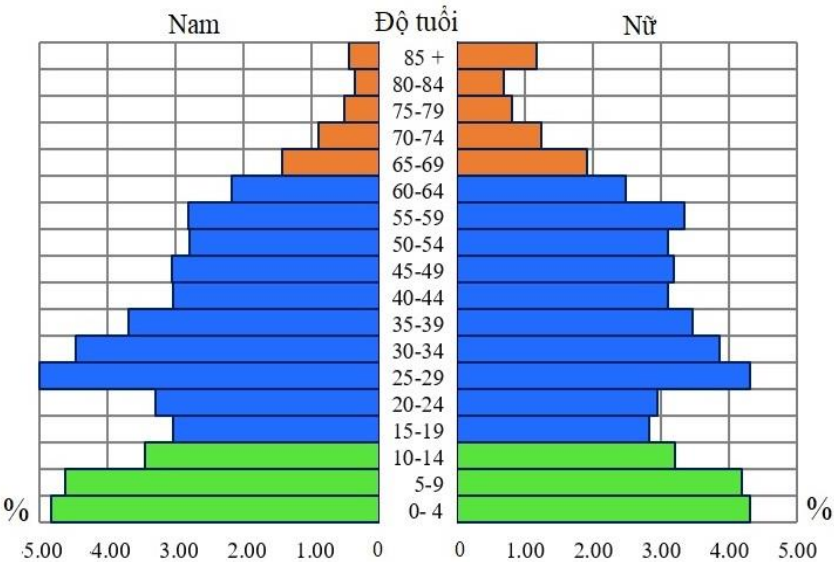
+ Tỉ số phụ thuộc của Thanh Hoá và châu Âu.

So với năm 2009, cơ cấu dân số của Thanh Hoá năm 2019 già hoá nhanh hơn, lợi thế về tỉ lệ nhóm người trong độ tuổi lao động giảm, tỉ lệ phụ thuộc chung trên 50%.

Cơ cấu dân số vàng chỉ xảy ra 1 lần, kéo dài từ 30 – 35 năm. Sau giai đoạn này, cơ cấu dân số của nước ta nói chung và Thanh Hoá nói riêng bước sang giai đoạn cơ cấu dân số già.

Cơ cấu dân số vàng đem đến lực lượng lao động trẻ, dồi dào và tiếp tục tăng sẽ là nguồn lực quan trọng cho việc phát triển kinh tế. Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi giảm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc y tế, cải thiện chất lượng sức khỏe dân số tương lai. Cơ cấu dân số vàng cũng đặt ra không ít khó khăn cần giải quyết do nhu cầu việc làm ngày một nhiều và tăng nhanh. Thêm vào đó, dân số già hoá

nhANH làm cho tỉ lệ phụ thuộc chung tăng, kéo theo đầu tư cho phúc lợi xã hội, làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế.



Hình 7.2. Tháp tuổi tỉnh Thanh Hoá năm 2019 (%)

Em hãy cho biết những ưu điểm, nhược điểm của cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở Thanh Hoá đối với hoạt động kinh tế và đời sống.

## 2 Cơ cấu dân số theo giới tính

### a) Tỉ lệ nam nữ theo độ tuổi

Cơ cấu dân số theo giới tính năm 2019 của Thanh Hoá ít chênh lệch. Theo từng nhóm tuổi, nhóm từ 0 – 39 tuổi có tỉ lệ nam lớn hơn nữ, nhóm từ 40 tuổi trở lên có tỉ lệ nữ lớn hơn nam và nhóm người già trên 65 tuổi có tỉ lệ nữ lớn hơn nam rất nhiều.

Bảng 7.2. Cơ cấu giới tính của Thanh Hoá, cả nước và châu Âu (%)

| Lãnh thổ \ Giới tính | Nam   | Nữ    |
|----------------------|-------|-------|
| Thanh Hoá (năm 2019) | 49,89 | 50,11 |
| Cả nước (năm 2019)   | 49,77 | 50,23 |
| Châu Âu (năm 2020)   | 48,3  | 51,7  |



– Quan sát Bảng 7.2, em hãy nhận xét cơ cấu giới tính của Thanh Hoá so với cả nước, châu Âu.

– Quan sát Hình 7.2, em hãy nhận xét tỉ lệ nam, nữ của Thanh Hoá theo độ tuổi:

+ Độ tuổi có tỉ lệ nam tương đương nữ.

+ Những độ tuổi có tỉ lệ nam luôn lớn hơn nữ.

+ Nhóm trẻ em 0 – 14 tuổi.

+ Nhóm người già trên 65 tuổi.

Nguyên nhân chính dẫn đến sự chênh lệch này do tỉ lệ giới tính khi sinh gần đây của Thanh Hoá là 109, luôn cao hơn mức cân bằng của tự nhiên (104 – 106). Ngoài ra, có nguyên nhân khác như: tuổi thọ của nam thấp hơn nữ, sự di cư tìm việc làm ngoài tỉnh của một bộ phận dân cư, lao động phần lớn là nam giới. Để giải quyết vấn đề này cần có các giải pháp kinh tế, xã hội.



Tỉ lệ nam lớn hơn nữ các nhóm tuổi từ 0 – 39 tuổi gây nên những hạn chế gì? Theo em, cần có các biện pháp gì để giải quyết tình trạng chênh lệch giới tính này?

### ***b) Tỉ lệ nam nữ giữa đồng bằng và miền núi***

Cơ cấu giới tính có sự khác nhau ở đồng bằng và miền núi Thanh Hoá. Tất cả 11 huyện miền núi Thanh Hoá đều có tỉ lệ nam cao hơn nữ, tỉ lệ nam cao nhất ở các huyện Mường Lát, Quan Sơn, Như Thanh (51%). Nguyên nhân chính là do sự nhập cư của một lực lượng lao động có chuyên môn, kĩ thuật từ đồng bằng tới, nhiều lao động nữ lại di cư về đồng bằng làm việc trong các khu công nghiệp hoặc do kết hôn. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao với số nam luôn hơn nữ cũng làm gia tăng thêm tình trạng này.

Vùng đồng bằng, tỉ lệ nam thấp hơn nữ không nhiều. Các huyện Nông Cống, Thiệu Hoá, thị xã Nghi Sơn, tỉ lệ nam nữ bằng nhau.



Theo em, cần có các biện pháp gì để giải quyết tình trạng chênh lệch giới tính này?

### 3 Cơ cấu dân số thành thị và nông thôn

#### a) Tỷ lệ dân số thành thị, nông thôn cả tỉnh

Tỷ lệ dân số thành thị của cả nước tính đến năm 2019 là 34,43%, Thanh Hoá là 14,87%. Tỷ lệ dân số thành thị của tỉnh Thanh Hoá tăng 4,54% so với năm 2009 (10,37%). Tỷ lệ dân số thành thị của Thanh Hoá rất thấp và tăng rất chậm so với nhiều tỉnh, thành phố của cả nước, phản ánh trình độ phát triển kinh tế – xã hội, chất lượng cuộc sống ở Thanh Hoá chưa cao.

**Bảng 7.3. Số dân, cơ cấu dân số thành thị, nông thôn ở Thanh Hoá năm 2019**

| Lãnh thổ  | Số dân     |            |            | Cơ cấu (%) |           |
|-----------|------------|------------|------------|------------|-----------|
|           | Tổng số    | Thành thị  | Nông thôn  | Thành thị  | Nông thôn |
| Cả nước   | 96.208.984 | 33.122.548 | 63.086.436 | 34,43      | 65,57     |
| Thanh Hoá | 3.640.128  | 541.403    | 3.098.725  | 14,87      | 85,13     |

(Nguồn: Tổng cục thống kê)



Quan sát Bảng 7.3, em hãy nhận xét tỷ lệ dân số thành thị, nông thôn ở Thanh Hoá so với cả nước.

#### b) Tỷ lệ dân số thành thị, nông thôn phân theo đồng bằng và miền núi

Ngoài 3 đô thị là thành phố Thanh Hoá, thành phố Sầm Sơn và thị xã Bỉm Sơn, tỷ lệ dân số thành thị ở 23 huyện và thị xã Nghi Sơn rất thấp.

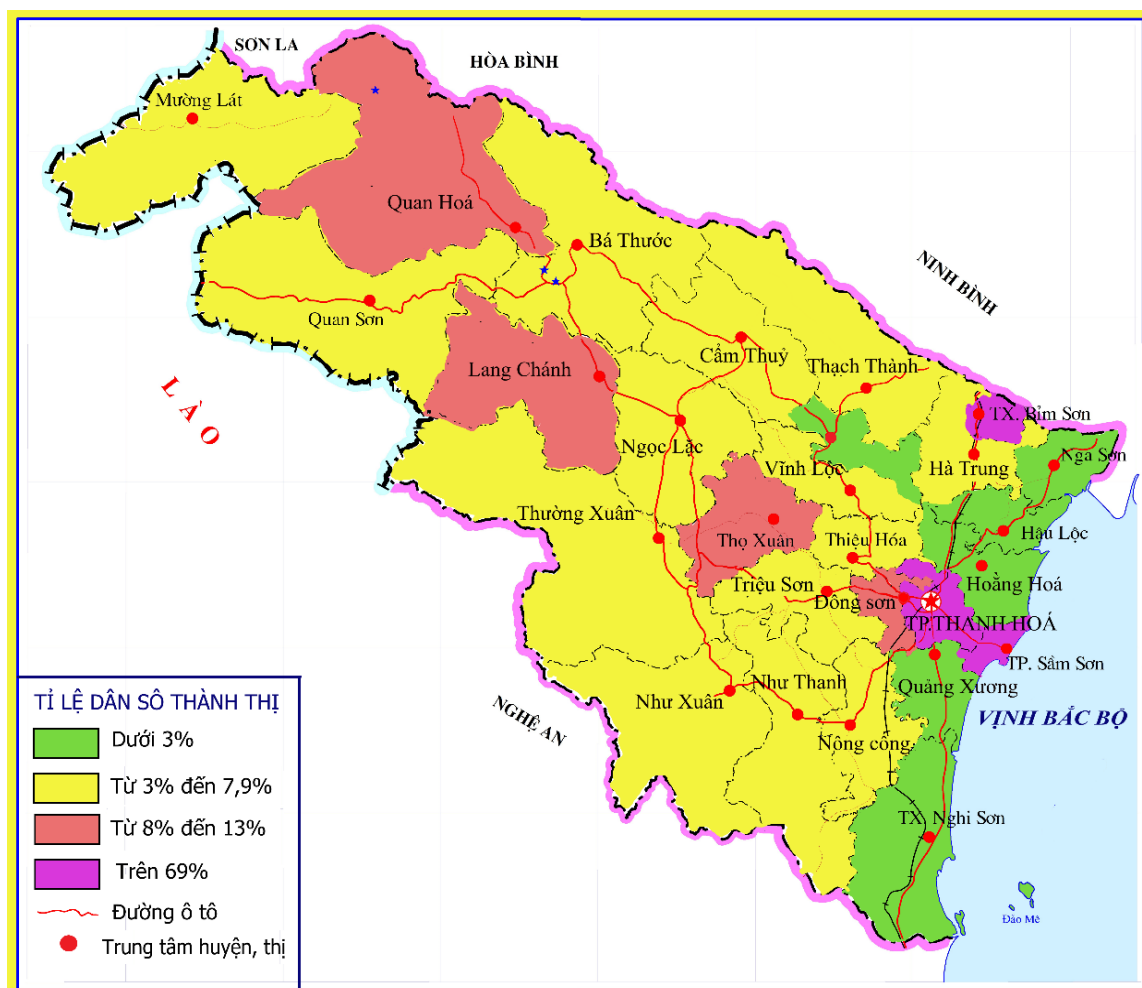
**Bảng 7.4. Tỷ lệ dân số thành thị phân theo nhóm huyện, thị**

|                | Dưới 3% | Từ 3-7,9% | Từ 8,0-13% | Trên 13% |
|----------------|---------|-----------|------------|----------|
| Các huyện, thị | ?       | ?         | ?          | ?        |



Quan sát Hình 7.3, em hãy cho biết tên các huyện, thị theo tỷ lệ dân số thành thị trong Bảng 7.4.

Tỉ lệ dân số thành thị thấp nhất ở các huyện, thị ven biển (gồm cả thị xã Nghi Sơn).  
Tỉ lệ dân số thành thị giữa các huyện miền núi và đồng bằng ít có sự chênh lệch.



Hình 7.3. Lược đồ tỉ lệ dân số thành thị tỉnh Thanh Hoá

Tỉ lệ dân thành thị của Thanh Hoá rất thấp, chưa phản ánh đúng quá trình đô thị hoá. Trong những năm gần đây, cơ sở hạ tầng đô thị ở Thanh Hoá đã được xây dựng và phát triển nhanh, bộ mặt các đô thị có nhiều chuyển biến. Tuy nhiên, khu vực thành thị với nhiều khu công nghiệp thu hút nhiều nhân lực nhưng phần lớn nguồn nhân lực này đều thường trú ở nông thôn, làm cho tỉ trọng dân cư ở các đô thị tăng chậm. Nhiều vùng nông thôn, nhất là các huyện đồng bằng, ven biển có cơ sở hạ tầng, tiện ích tốt vẫn là nơi ở của nhiều gia đình sinh sống bằng hoạt động công nghiệp và dịch vụ. Một số vùng nông thôn có tỉ lệ dân thành thị tăng như Đông Sơn do đã mở rộng quy mô thị trấn hoặc có ba thị trấn như huyện Thọ Xuân. Các huyện miền núi do địa hình phức tạp, thị trấn của huyện là nơi có nhiều điều kiện thuận tiện cho sinh

sống nên tỉ lệ dân số thành thị so với tổng dân số của huyện không kém so với các huyện đồng bằng. Tỉ lệ người dân sống bằng hoạt động công nghiệp và dịch vụ ở đây thấp hơn các thị trấn ở đồng bằng, nơi có nhiều khu công nghiệp, dịch vụ.



1. Cơ cấu dân số vàng và cơ cấu dân số già có ưu điểm, nhược điểm gì nổi bật?
2. Quan sát tháp tuổi Thanh Hoá, em hãy chứng minh: tuổi càng cao, tỉ lệ nữ càng tăng. Nhóm tuổi nào có tỉ lệ nam nữ cân bằng?
3. Quan sát Bảng 7.5, em hãy nhận xét tỉ lệ nam nữ giữa đồng bằng và miền núi.

*Bảng 7.5. Tỉ lệ nam, nữ phân theo huyện, thị của tỉnh Thanh Hoá*

| Huyện, thị    | Số dân    | Tỉ lệ (%) |      | Huyện, thị   | Số dân  | Tỉ lệ (%) |      |
|---------------|-----------|-----------|------|--------------|---------|-----------|------|
|               |           | Nam       | Nữ   |              |         | Nam       | Nữ   |
| Toàn tỉnh     | 3.640.128 | 49,9      | 50,1 | Yên Định     | 165.830 | 49,7      | 50,3 |
| TP. Thanh Hoá | 359.910   | 48,9      | 51,1 | Thọ Xuân     | 195.998 | 49,2      | 50,8 |
| TX. Bim Sơn   | 58.378    | 49,2      | 50,8 | Thường Xuân  | 89.131  | 50,8      | 49,2 |
| TP. Sầm Sơn   | 109.208   | 49,9      | 50,1 | Triệu Sơn    | 202.386 | 49,7      | 50,3 |
| Mường Lát     | 39.948    | 51,0      | 49,0 | Thiệu Hoá    | 160.732 | 50,0      | 50,0 |
| Quan Hoá      | 48.856    | 50,7      | 49,3 | Hoàng Hoá    | 233.043 | 49,9      | 50,1 |
| Bá Thước      | 100.834   | 50,1      | 49,9 | Hậu Lộc      | 176.418 | 49,7      | 50,3 |
| Quan Sơn      | 40.526    | 51,0      | 49,0 | Nga Sơn      | 141.114 | 50,0      | 50,0 |
| Lang Chánh    | 49.654    | 50,6      | 49,4 | Như Xuân     | 66.240  | 50,9      | 49,1 |
| Ngọc Lặc      | 136.611   | 50,3      | 49,7 | Như Thanh    | 94.906  | 51,0      | 49,0 |
| Cẩm Thuỷ      | 110.091   | 50,2      | 49,8 | Nông Cống    | 182.801 | 50,3      | 49,7 |
| Thạch Thành   | 144.343   | 50,3      | 49,7 | Đông Sơn     | 76.923  | 49,7      | 50,3 |
| Hà Trung      | 118.826   | 49,6      | 50,4 | Quảng Xương  | 199.943 | 49,9      | 50,1 |
| Vĩnh Lộc      | 86.362    | 49,9      | 50,1 | TX. Nghi Sơn | 251.116 | 50,0      | 50,0 |

4. Quan sát Hình 7.3, em có nhận xét gì về mạng lưới đô thị ở Thanh Hoá? Vì sao các huyện đồng bằng, ven biển có tỉ lệ dân thành thị không cao hơn các huyện miền núi?



1. Hãy tính tỉ lệ theo nhóm tuổi và giới tính của gia đình em (những người sống cùng nhà) và rút ra nhận xét từ số liệu vừa tính.
2. Tỉ lệ nam nữ của lớp em đang học là bao nhiêu? Em có nhận xét gì về tỉ lệ này?
3. Quê em (xã, phường) là nông thôn hay thành thị. Khi nào người dân ở nông thôn và bản thân em sẽ trở thành người thành thị?

## Chủ đề 8

# BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ Ở THANH HOÁ

### MỤC TIÊU

- Nêu được khái quát thực trạng môi trường không khí ở tỉnh Thanh Hoá.
- Nêu được những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường.
- Nêu được tác động của ô nhiễm môi trường không khí đến sức khỏe con người và đời sống xã hội.
- Trình bày được những giải pháp để quản lí và bảo vệ môi trường qua đó có ý thức tham gia giữ gìn môi trường sống.



Hình 8.1. Khói bụi gây ô nhiễm môi trường

Các khu đô thị, khu công nghiệp, làng nghề,... hình thành và phát triển đã đóng góp rất quan trọng vào mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Thanh Hoá. Bên cạnh đó, hoạt động của khu công nghiệp, làng nghề, giao thông vận tải và rác thải cũng mang lại những thách thức lớn về ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường không khí.

Nêu hiểu biết của em về vấn đề ô nhiễm môi trường ở Thanh Hoá.



## 1 Cơ sở để đánh giá chất lượng môi trường không khí

Để đánh giá chất lượng môi trường không khí có thể dựa vào nồng độ bụi lơ lửng (TSP), bụi PM<sub>10</sub>, các chất khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> trong không khí và tiếng ồn,... Tại Việt Nam để đánh giá chất lượng môi trường không khí người ta so sánh với Quy chuẩn Việt Nam 05/2013/BTNMT (QCU).

Để đánh giá hiện trạng môi trường không khí ở tỉnh Thanh Hoá tổ chức quan trắc môi trường định kì tại 50 điểm chia thành 3 nhóm:

- Khu vực giao thông: 21 điểm quan trắc.
- Khu vực dân cư tập trung: 14 điểm quan trắc.
- Khu vực dân cư cạnh khu công nghiệp, làng nghề: 15 điểm quan trắc.

Mạng lưới trạm quan trắc phủ kín những trọng điểm giao thông, khu công nghiệp, đô thị đủ để đánh giá chất lượng không khí của tỉnh Thanh Hoá.

 **Hãy nêu cơ sở để đánh giá môi trường không khí ở tỉnh Thanh Hoá.**

## 2 Tìm hiểu thực trạng chất lượng môi trường không khí ở tỉnh Thanh Hoá

### a) Ô nhiễm bụi và các chất khí

*\* Khu vực giao thông*

Kết quả quan trắc cho thấy, hầu hết các thông số trong môi không khí khu vực giao thông trung bình giai đoạn 2016 – 2020 có chỉ tiêu bụi lơ lửng vượt quy chuẩn Việt Nam, các chỉ tiêu khác nằm trong giới hạn cho phép.

**Bảng 8.1. So sánh một số chỉ tiêu quan trắc về môi trường không khí ở khu vực giao thông**

| TT | Nội dung                                | Giai đoạn<br>2011 – 2015<br>(mg/m <sup>3</sup> ) | Giai đoạn<br>2016 – 2020<br>(mg/m <sup>3</sup> ) | Nhận xét                   |
|----|-----------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|
| 1  | Nồng độ bụi lơ lửng                     | 201 – 632,3                                      | 166 – 491                                        | Giảm                       |
| 2  | Nồng độ SO <sub>2</sub> trong không khí | 70 – 220                                         | 2,8 – 29,37                                      | Giảm nhiều                 |
| 3  | Nồng độ CO trong không khí              | 3 269,6 – 10 025,6                               | 3 603,8 – 5 753,5                                | Thấp hơn giới hạn cho phép |

*\* Khu dân cư cạnh khu công nghiệp, làng nghề*

Các địa điểm quan trắc như: khu dân cư cạnh nhà máy xi măng Bim Sơn, khu dân cư cạnh nhà máy đường Lam Sơn, khu dân cư phía tây nam khu công nghiệp Lễ Môn, khu dân cư cụm làng nghề đá xã Đông Hưng, khu vực phía tây nam khu Liên hiệp lọc hoá dầu Nghi Sơn, khu Liên hiệp xử lí rác thải đông nam.



*Hình 8.2. Bụi gây ô nhiễm môi trường từ các mỏ khai thác đá*

Kết quả quan trắc cho thấy, hầu hết nồng độ các chất trong môi trường không khí khu dân cư cạnh khu công nghiệp, làng nghề đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn Việt Nam, chỉ có thông số bụi lơ lửng trong không khí có nồng độ vượt quy chuẩn Việt Nam.

Đầu năm 2020 nồng độ bụi lơ lửng dao động từ 168 – 860 mg/m<sup>3</sup> đặc biệt tại điểm quan trắc làng nghề đá Đông Hưng và khu dân cư làng nghề đá Yên Lâm, nồng độ bụi lơ lửng vượt quy chuẩn Việt Nam từ 1,83 – 1,87 lần.

*\* Khu dân cư tập trung*

Mạng lưới quan trắc môi trường không khí khu dân cư tập trung gồm 14 điểm như: khu dân cư phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn; khu dân cư gần Bệnh viện đa khoa Hợp Lực, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá; khu dân cư thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hoá; khu dân cư gần Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá; khu dân cư gần Bệnh viện Lao và Phổi Thanh Hoá; khu dân cư thị trấn Hậu Lộc;...

Quan trắc môi trường không khí rất quan tâm đến nồng độ bụi PM10, qua quan trắc cho thấy nồng độ bụi PM10 giai đoạn 2016 – 2020 có sự diễn biến khác nhau giữa các năm và giữa các điểm quan trắc.

Hầu hết nồng độ các thông số quan trắc trong môi trường không khí khu dân cư tập trung đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn Việt Nam, chỉ có nồng độ bụi lơ lửng trong không khí vượt quy chuẩn Việt Nam tại một vị trí quan trắc (khu dân cư gần Bệnh viện Lao và Phổi tỉnh Thanh Hoá vượt quy chuẩn 0,47 lần).

### **b) Ô nhiễm tiếng ồn**

Ô nhiễm tiếng ồn là tiếng ồn trong môi trường vượt quá ngưỡng nhất định gây khó chịu cho người hoặc động vật. Đơn vị đo độ ồn âm thanh kí hiệu là dBA, nơi yên tĩnh thường có độ ồn dưới 30 dBA. Năm 2020, tỉnh Thanh Hoá đã đặt 14 điểm quan trắc tiếng ồn, kết quả quan trắc cho thấy, hầu hết các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn Việt Nam. Tiếng ồn ở các địa điểm quan trắc trung bình dao động từ 40,8 – 42,6 dBA.



**Em hãy mô tả vắn tắt thực trạng ô nhiễm môi trường không khí ở Thanh Hoá.**



### **3 Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí ở tỉnh Thanh Hoá**

Ô nhiễm môi trường không khí được chia làm hai dạng: ô nhiễm không khí ngoài trời và ô nhiễm không khí trong nhà. Ô nhiễm không khí ngoài trời là tác nhân gây tác động nghiêm trọng đến môi trường và sức khoẻ con người.

Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí đến từ nhiều nguồn khác nhau như: khí thải do các nhà máy sản xuất công nghiệp, từ quá trình sản xuất nông nghiệp, khí thải từ ống xả khí các loại xe, động cơ, máy móc,...

Trong các khu vực sản xuất, khai thác chế biến khoáng sản, cơ sở sản xuất công nghiệp, xưởng may, các làng nghề truyền thống,... người lao động thường bị ảnh hưởng trực tiếp từ các loại bụi như bụi phổi – si-lic, bụi phân a-mi-ăng, ta-le (trong ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, cơ khí, luyện kim...); loại bụi phổi bông (trong ngành công nghiệp may mặc).



Hình 8.3. Một bãi rác thải chưa được xử lí

Ô nhiễm môi trường không khí cũng đến từ nguồn chất thải rắn. Tại tỉnh Thanh Hoá, hiện tại việc thu gom chất thải rắn thực hiện khá tốt, song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của đời sống xã hội. Lượng chất thải rắn sinh hoạt thu gom ở đô thị ước đạt 90,1%, miền núi đạt 77,6%. Số còn lại không được thu gom xả xuống ao, hồ, kênh, mương, sông, suối,... gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Phần lớn bãi chôn lấp rác ở tỉnh Thanh Hoá đã quá tải, bố trí gần khu dân cư. Thành phần hữu cơ chiếm chủ yếu trong chất thải sinh hoạt dưới tác động của nhiệt độ, độ ẩm, vi sinh vật đã phân huỷ sản sinh ra các chất khí ( $\text{CH}_4$ ,  $\text{CO}_2$ ,  $\text{CO}$ ,  $\text{H}_2\text{S}$ ),... có mùi hôi thối gây ô nhiễm môi trường không khí, ảnh hưởng đến đời sống người dân.



Hình 8.4. Đốt rác thải gây ô nhiễm môi trường



Em hãy cho biết tác động của ô nhiễm môi trường không khí đến sức khoẻ con người?

## Tác động của ô nhiễm môi trường không khí

Mức độ ô nhiễm môi trường không khí ảnh hưởng đến sức khỏe con người rất nghiêm trọng, ô nhiễm không khí làm tăng nguy cơ nhiễm trùng đường hô hấp, bệnh tim, ung thư phổi,... Trẻ em, phụ nữ, phụ nữ mang thai, người già, người có thể trạng yếu, người đang mang bệnh là những người chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ ô nhiễm môi trường không khí.

Mỗi năm ở Việt Nam ghi nhận 20 000 người mắc bệnh ung thư phổi, trong đó 17 000 tử vong. Theo số liệu của Trung tâm Y tế dự phòng (Sở Y tế Thanh Hoá), năm 2019, tỉnh Thanh Hoá ghi nhận 2 765 ca mắc bệnh lao phổi.

Ô nhiễm tiếng ồn cũng là yếu tố gây tác động xấu đến sức khỏe con người, làm giảm chất lượng cuộc sống, hạn chế trao đổi thông tin, làm phân tán tư tưởng dẫn đến giảm hiệu quả lao động. Tiếng ồn làm phá vỡ sự yên tĩnh, ảnh hưởng đến giấc ngủ của con người, nếu tiếp xúc với môi trường có mức ồn cao, con người có thể mắc bệnh mất ngủ, suy nhược thần kinh, làm trầm trọng thêm các bệnh về tim mạch, huyết áp.

*Bảng 8.2. Tác động của một số khí thải đối với sức khỏe con người*

| TT | Khí thải             | Nguồn phát sinh                                                                   | Tác động bệnh lý đối với con người                                            |
|----|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Khí CO               | Từ ống xả khí của xe máy, ô tô, đốt than                                          | Giảm khả năng lưu truyền oxi trong máu, gây bệnh tim mạch, có thể gây tử vong |
| 2  | Khí H <sub>2</sub> S | Công nghiệp hoá chất, công nghiệp cao su, phân bón, tinh luyện nhiên liệu có nhựa | Mùi như trứng thối, gây buồn nôn, kích thích mắt, họng                        |
| 3  | Khí NO               | Ống xả khí của ô tô, xe máy, công nghiệp chế hoá than                             | Gây bệnh phổi và bộ máy hô hấp, có thể gây tử vong                            |
| 4  | Khí SO <sub>2</sub>  | Quá trình đốt than, khai thác chế biến dầu khí                                    | Gây tức ngực, khó thở, đau đầu, nôn mửa, có thể gây tử vong                   |
| 5  | Tro, muội, khói      | Từ lò đốt của các ngành công nghiệp, ống xả khí của ô tô, xe máy                  | Gây bệnh khí thường, ung thư, đau mắt                                         |



Em hãy nêu những tác hại của ô nhiễm môi trường không khí đến sức khỏe và cuộc sống của người dân Thanh Hoá.

Bảo vệ môi trường không khí trong lành là một hoạt động rất cần thiết của mọi người, mọi nhà, của từng địa phương và của toàn nhân loại. Thời gian vừa qua tỉnh Thanh Hoá đã quan tâm tạo được nhiều chuyển biến tích cực trong công tác bảo vệ môi trường. Tuy nhiên với tốc độ đô thị hoá ngày càng cao, đối mặt với những tác động ngày càng nghiêm trọng của tình hình biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường,... tỉnh tiếp tục có nhiều biện pháp chỉ đạo, phát triển kinh tế – xã hội, huy động lực lượng toàn xã hội tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.



*Hình 8.5. Học sinh Thanh Hoá thực hiện phân loại rác*

Ngày 28 – 1 – 2014, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã ký Quyết định số 396/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh tỉnh Thanh Hoá năm 2020, định hướng đến năm 2030. Tỉnh cũng ban hành kế hoạch quản lý môi trường không khí giai đoạn 2023 – 2025, trong đó có những giải pháp như phát triển phương tiện giao thông công cộng (thành phố Thanh Hoá hiện đã có 13 tuyến xe buýt); hoạt động chính sách hỗ trợ người dân chăn nuôi xây dựng công trình bi-o-ga, (tỉnh đã có 35 475 công trình); xây dựng dự án điện sinh khối (tỉnh đã có 3 dự án điện sinh khối hoạt động);...

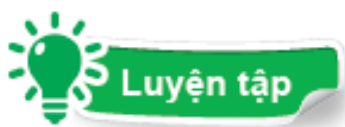
Cùng với sự phát triển kinh tế – xã hội, sự gia tăng dân số, là sự phát sinh chất thải rắn ngày càng nhiều. Việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt ngày càng trở nên cấp bách. Giai đoạn 2016 – 2021 tỉnh đã hỗ trợ kinh phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt cho 6 địa phương hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho 7 xã, phường

thuộc khu đô thị thị xã Nghi Sơn mở rộng. Theo Quyết định số 1592/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 8 – 5 – 2020 về việc phê duyệt phương án xử lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050, ước tính vốn đầu tư cho các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn xây dựng và khoảng 2 691 tỉ đồng.

Nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư và xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường như đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể phù hợp với các đối tượng. Trong nhà trường các chương trình lồng ghép về giáo dục nâng cao nhận thức, hành động thiết thực góp phần bảo vệ môi trường nói chung, môi trường không khí nói riêng.



**Em hãy nêu vấn đề một số giải pháp nhằm bảo vệ môi trường không khí ở tỉnh Thanh Hoá.**



1. Hãy lấy ví dụ chứng minh ô nhiễm môi trường không khí tác động nghiêm trọng đến sức khoẻ con người.
2. Tại sao sử dụng các phương tiện giao thông công cộng lại giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường? Hãy nêu các phương tiện công cộng mà em có thể sử dụng.
3. Áp lực của sự đô thị hoá mạnh đã tác động đến ô nhiễm môi trường, cho ví dụ và đề xuất giải pháp khắc phục.



1. Em hãy quan sát và mô tả thực trạng môi trường nơi em sinh sống (có thể bằng đoạn văn, hình vẽ, hình ảnh, video clip,...).
2. Em có thể kể những hoạt động cụ thể, thiết thực mà em và các bạn có thể tham gia góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí ở Thanh Hoá.

# Thuật ngữ

| Thuật ngữ          | Giải thích                                                                                                                                                         | Số trang |
|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| Bi-o-gas           | Là khí sinh học được sinh ra nhờ quá trình phân giải các chất thải hữu cơ chăn nuôi trong môi trường kỵ khí (không có không khí).                                  | 69       |
| Cơ cấu dân số vàng | Số người trong độ tuổi lao động (15 – 64 tuổi) gấp đôi số người trong độ tuổi phụ thuộc (từ 0 – 14 tuổi và trên 65 tuổi).                                          | 27       |
| Núi sót            | Phần còn lại của một vùng núi đã bị phá huỷ sau một quá trình bóc mòn lâu dài, thường phân bố đơn độc hay thành nhóm nhỏ rời rạc giữa một vùng đồi hoặc đồng bằng. | 38       |
| PM10               | Là nồng độ bụi có đường kính khí động học nhỏ hơn hoặc bằng 10µm                                                                                                   | 67       |
| Tỉ số phụ thuộc    | Thước đo tỉ lệ tổng số dân trong độ tuổi phụ thuộc (từ 0 – 14 tuổi và trên 65 tuổi), so với tổng số dân trong độ tuổi lao động (từ 15 – 64 tuổi).                  | 26       |
| Xuân Thu nhị kì    | Hai kì (khoảng thời gian) tổ chức lễ hội nhiều nhất trong năm là mùa xuân và mùa thu (theo âm lịch).                                                               | 14       |

## Nguồn ảnh

| Chủ đề   | Hình                                                         | Nguồn                                 |
|----------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| Chủ đề 1 | Hình 1.1, 1.2, 1.3                                           | Báo Thanh Hoá                         |
| Chủ đề 2 | Hình 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 2.7                       | Báo Thanh Hoá                         |
| Chủ đề 3 | Hình 3.1                                                     | Cổng thông tin điện tử thị xã Bỉm Sơn |
|          | Hình 3.2, 3.3, 3.4                                           | Báo Thanh Hoá                         |
| Chủ đề 4 | Hình 4.1, 4.2, 4.3                                           | Nguyễn Quốc Tuấn                      |
| Chủ đề 5 | Hình 5.1, 5.2, 5.3, 5.4, 5.5, 5.6, 5.7, 5.8, 5.9, 5.10, 5.11 | Báo Thanh Hoá                         |
| Chủ đề 6 | Hình 6.1                                                     | Báo Thanh Hoá                         |
| Chủ đề 7 | Hình 7.1, 7.2, 7.3                                           | Nguyễn Quốc Tuấn                      |
| Chủ đề 8 | Hình 8.1, 8.2, 8.3, 8.4, 8.5                                 | Báo Thanh Hoá                         |

**Mã số: ...**

In ... bản, (QĐ 192) khổ 19x26,5 cm.

Đơn vị in: ...

Địa chỉ: ...

Cơ sở in: ...

Số ĐKXB: 1591-2020/CXBIPH/10-850/GD.

Số QĐXB: .../QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm ...

Mã số ISBN: 978-604-0-22641-9

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm ...